

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHAN VĂN PHONG

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG VỤ ÁN HIẾP DÂM
TRẺ EM THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHAN VĂN PHONG

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG VỤ ÁN HIẾP DÂM
TRẺ EM THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tổ tụng Hình sự

Mã số: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

GS.TS. VÕ KHÁNH VINH

HÀ NỘI – 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi: Phan Văn Phong

Học viên Cao học Khóa VI.1 (2015 – 2017)

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, dữ liệu và một số kiến thức của các tác giả khác trong luận văn này được sử dụng trung thực, có đầy đủ nguồn dữ liệu đáng tin cậy theo quy định của một công trình khoa học. Kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố tại bất kỳ công trình khoa học nào.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG VỤ ÁN HIẾP DÂM TRẺ EM	7
1.1. Những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố trong vụ án hiếp dâm trẻ em	7
1.2. Các quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong vụ án hiếp dâm trẻ em	17
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG VỤ ÁN HIẾP DÂM TRẺ EM TẠI TỈNH BÌNH PHƯỚC.....	28
2.1. Thực trạng tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước trong thực hành quyền công tố đối với vụ án hiếp dâm trẻ em.....	28
2.2. Thực tiễn thực hành quyền công tố trong vụ án hiếp dâm trẻ em tại tỉnh Bình Phước	30
2.3. Đánh giá thực tiễn thực hành quyền công tố trong vụ án hiếp dâm trẻ em tại tỉnh Bình Phước	47
CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG VỤ ÁN HIẾP DÂM TRẺ EM.....	53
3.1. Giải pháp hoàn thiện tổ chức	53
3.2. Giải pháp nâng cao năng lực của cán bộ	56
3.3. Giải pháp tổng kết thực tiễn	57
3.4. Các giải pháp khác.....	57
KẾT LUẬN	65
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	67
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	: Cơ quan điều tra
ĐTV	: Điều tra viên
HTND	: Hội thẩm nhân dân
KSHĐTP	: Kiểm sát hoạt động tư pháp
KSV	: Kiểm sát viên
PVT	: Phó Viện trưởng
PTTCQĐT	: Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra
QCT	: Quyền công tố
TAND	: Tòa án nhân dân
THQCT	: Thực hành Quyền công tố
TTCQĐT	: Thủ trưởng Cơ quan điều tra
VKS	: Viện kiểm sát
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân
VKSTC	: Viện kiểm sát tối cao
VT	: Viện trưởng

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

<i>Số hiệu bảng</i>	<i>Tên bảng</i>
<i>Bảng 2.1</i>	Tình hình đội ngũ Kiểm sát viên Viện KSND tỉnh Bình Phước và đội ngũ Kiểm sát viên Phòng 1, Viện KSND tỉnh Bình Phước năm 2015
<i>Bảng 2.2</i>	Tình hình VKS yêu cầu CQĐT khởi tố về tội Hiếp dâm trẻ em, từ năm: 2011 đến năm 2015
<i>Bảng 2.3</i>	Số vụ án hiếp dâm trẻ em thụ lý giải quyết tại Cơ quan điều tra
<i>Bảng 2.4</i>	Số vụ án hiếp dâm trẻ em thụ lý giải quyết tại Viện kiểm sát
<i>Bảng 2.5</i>	Số vụ án hiếp dâm trẻ em thụ lý giải quyết của Tòa án
<i>Bảng 2.6</i>	Số vụ CQĐT, VKS, TAND thụ lý từ năm: 2011 đến năm 2015
<i>Bảng 2.7</i>	So sánh giữa số án thụ lý của phòng 1 so với số án Điều 112
<i>Biểu đồ 2.1</i>	Số vụ án hiếp dâm trẻ em thụ lý giải quyết tại Cơ quan điều tra
<i>Biểu đồ 2.2</i>	Số vụ án hiếp dâm trẻ em thụ lý giải quyết tại Viện kiểm sát
<i>Biểu đồ 2.3</i>	Số vụ án hiếp dâm trẻ em thụ lý giải quyết của Tòa án

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp được đề cập trong các Nghị quyết của Đảng, dưới sự giám sát của Quốc hội, sự phối hợp và tạo điều kiện của các cấp các ngành. Ngành kiểm sát nhân dân nói chung và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước nói riêng đã triển khai nhiều biện pháp để phấn đấu thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; tập trung tổ chức quán triệt và thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước trong giai đoạn cải cách tư pháp hiện nay.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ : “Viện kiểm sát nhân dân tập trung làm tốt chức năng công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp”. Ngày 02/01/2002, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW, về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Nghị quyết chỉ rõ: Viện kiểm sát các cấp thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm đảm bảo không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội. Nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

Cũng với tinh thần đó, ngày 24/5/2005, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 48-NQ/TW về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, trong đó có nội dung: “Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát theo hướng bảo đảm thực hiện tốt chức năng công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp...” [5].

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị “Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” đã xác định rõ: “Trước mắt, Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên chức năng như hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm

sát hoạt động tư pháp (...), tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra” [6].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục ghi nhận các nội dung: Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; hoàn thiện hệ thống pháp luật; xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh; đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; lấy cải cách hoạt động xét xử làm trọng tâm; thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra...[10]

Để góp phần làm rõ những yêu cầu của Đảng đã đề ra, định hướng này đã được thể chế hóa trong Hiến pháp 2013 và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2014) về đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát phù hợp và đồng bộ với tiến trình cải cách tư pháp. Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong lĩnh vực hình sự có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng trong việc bảo vệ Đảng, Nhà nước, góp phần làm tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả; bảo đảm an ninh trật tự, giữ vững kỷ cương pháp luật, bảo vệ quyền, lợi hợp pháp và cuộc sống thanh bình của nhân dân.

Cùng với cả nước nói chung, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và đấu tranh phòng, chống tội phạm hiếp dâm trẻ em ở tỉnh Bình Phước cũng đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Bên cạnh những kết quả đạt được, từ thực tế của công tác đấu tranh và giải quyết các vụ án về các tội xâm phạm tình dục trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Bình Phước nói chung và tội hiếp dâm trẻ em nói riêng, nhận thấy do nhận thức pháp luật khác nhau, chưa có sự thống nhất trong cách hiểu và vận dụng pháp luật trong quá trình giải quyết án nên dẫn đến việc áp dụng pháp luật hình sự của các cơ quan tố tụng này ở từng lúc, từng nơi có sự khác nhau trong việc tìm ra đâu là ranh giới giữa tội “hiếp dâm” với tội “hiếp dâm trẻ em” trong từng khung, khoản khác nhau và với “tội giao cấu với người dưới 16 tuổi”... Để từ đó làm cơ sở cho việc áp dụng pháp luật một cách chính xác; vẫn còn bộc lộ nhiều thiếu sót, tồn tại và cả vi

phạm tội tọng trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến nhiều vụ án kéo dài quá hạn, tội phạm bị bỏ lọt, việc trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng chiếm tỷ lệ lớn, có vụ bị Tòa án cấp trên xử hủy một phần bản án và những thiếu sót khác trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Vì vậy, việc nghiên cứu, làm rõ thực trạng, qua đó đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thực hành quyền công tố đối với tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong thời gian tới là một yêu cầu có tính cấp bách, có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

Với những lý do trên, tác giả mạnh dạn chọn nghiên cứu đề tài: ***“Thực hành quyền công tố trong vụ án hiếp dâm trẻ em theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước”*** làm đề tài luận văn tốt nghiệp chương trình cao học luật của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Thực hành quyền công tố trong vụ án hiếp dâm trẻ em từ thực tiễn tỉnh Bình Phước là một đề tài mang tính chuyên sâu về một loại tội. Dạng đề tài này đã được một số tác giả nghiên cứu và các công trình khoa học đó đã được công bố như:

Luận văn Thạc sĩ Luật học với các đề tài *“Đấu tranh phòng chống tội Hiếp dâm trẻ em ở Việt Nam và Thụy Điển”* của tác giả Đặng Mai Dung (2006); *“Đấu tranh phòng, chống tội Hiếp dâm trẻ em trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”* của tác giả Nguyễn Minh Nhật (2009); *“Đấu tranh phòng, chống tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”* của tác giả Trần Văn Thường (2012); *“Tội hiếp dâm theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh ”* của tác giả Lê Văn Hùng (năm 2013) và một số công trình khoa học, bài viết, bài nghiên cứu khác.

Các công trình nghiên cứu trên đã góp phần làm sáng tỏ về mặt lý luận cũng như tình hình và những giải pháp phòng, chống tội hiếp dâm trẻ em nhưng khía cạnh tiếp cận, thời gian và địa bàn nghiên cứu khác nhau.

Các công trình đã đề cập đến chức năng kiểm sát khởi tố, điều tra vụ án hình sự của Viện kiểm sát, nhưng lại nghiên cứu, phục vụ cho công tác đấu tranh phòng

ngừa tội phạm, mà không đề cập đến chức năng, nhiệm vụ, cũng như chưa đi sâu làm rõ về mặt lý luận của Viện kiểm sát về thực hành quyền công tố đối với tội hiếp dâm trẻ em trong quá trình tiếp nhận, xử lý và kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; khởi tố vụ án, khởi tố bị can và kiểm sát hoạt động điều tra của Điều tra viên, Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra. Bên cạnh đó, các công trình khoa học đó nghiên cứu trên cơ sở các quy định của văn bản pháp luật quy định chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự trước đây và mới chỉ đề cập đến một chức năng của Viện kiểm sát là “Kiểm sát hoạt động tư pháp”, mà chưa đề cập đến chức năng quan trọng đó là “Thực hành quyền công tố” đồng hành với chức năng “Kiểm sát hoạt động tư pháp” đối với vụ án hình sự nói chung và tội hiếp dâm trẻ em nói riêng, trong quá trình giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Hiện nay các văn bản pháp luật đó đã và đang được sửa đổi, bổ sung với nhiều quy định mới. Do đó, cần có sự nghiên cứu cụ thể và toàn diện hơn.

Luận văn nghiên cứu tương đối toàn diện lý luận và thực tiễn chức năng Thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cải cách tư pháp.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề lý luận, pháp luật, đánh giá đúng thực trạng công tác thực hành quyền công tố đối với tội hiếp dâm trẻ em theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước, từ đó đưa ra những phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố đối với vụ án hiếp dâm trẻ em trong thời gian tới tại tỉnh Bình Phước.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nói trên, luận văn có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Nghiên cứu thực trạng thực hành quyền công tố trong vụ án hiếp dâm trẻ em theo pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn

tỉnh Bình Phước từ năm 2011 đến năm 2015.

- Khảo sát thực tiễn thực hiện chức năng Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn tiếp nhận, xử lý và việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát, từ đó thấy được những ưu điểm tích cực và hạn chế để có đề xuất những giải pháp và kiến nghị nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với vụ án hiếp dâm trẻ em trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Thực trạng thực hành quyền công tố đối với vụ án hiếp dâm trẻ em theo pháp luật Tố tụng Hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Lĩnh vực công tác thực hành quyền công tố đối với các vụ án hiếp dâm trẻ em đã khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hình sự.

- Về địa bàn: tỉnh Bình Phước

- Về thời gian: Từ năm 2011 đến năm 2015

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

- Phương pháp luận của luận văn là học thuyết Mác – Lê nin và phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nhà nước và pháp luật nói chung và tổ chức hoạt động của VKSND nói riêng.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu để phục vụ các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đặt ra của luận văn có sử dụng phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh, dự báo và điều tra xã hội học.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận của luận văn

- Kết quả nghiên cứu đề tài hy vọng sẽ góp phần bổ sung lý luận về công tác

thực hành quyền công tố đối với tội hiếp dâm trẻ em của Viện kiểm sát nhân dân trên cơ sở kết quả nghiên cứu những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

- Đề tài là một công trình góp phần bổ sung cho các bộ môn Luật Tố tụng hình sự, Luật hình sự, Tội phạm học, Xã hội học...nhất là hiện nay Việt Nam là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận văn

Là tài liệu phục vụ cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chức năng, tổ chức xã hội, học sinh, sinh viên làm tài liệu tham khảo vận dụng trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử... đối với vụ án hiếp dâm trẻ em, nhằm bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, góp phần quan trọng trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 03 chương

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về thực hành quyền công tố trong vụ án hiếp dâm trẻ em

Chương 2: Thực trạng thực hành quyền công tố trong vụ án hiếp dâm trẻ em tại tỉnh Bình Phước

Chương 3: Các giải pháp bảo đảm thực hành quyền công tố trong vụ án hiếp dâm trẻ em

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG VỤ ÁN HIẾP DÂM TRẺ EM

1.1. Những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố trong vụ án hiếp dâm trẻ em

Khi tội phạm hiếp dâm xảy ra, việc giải quyết vụ án phải trải qua nhiều giai đoạn, do các cơ quan tiến hành tố tụng CQĐT, VKS và các Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện, nhằm xác định chính xác, khách quan những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hiếp dâm trẻ em cũng như bản chất của vụ án, áp dụng trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Các quá trình giải quyết vụ án đó được gọi là tố tụng hình sự.

Theo định nghĩa của giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam, Học viện Cảnh sát nhân dân thì: “Tố tụng hình sự là quá trình giải quyết vụ án hình sự trong đó các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, người tiến hành tố tụng hình sự, người tham gia tố tụng hình sự, các cơ quan Nhà nước khác, tổ chức xã hội và cá nhân tiến hành các hoạt động theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội” [21, tr.8].

Quá trình giải quyết vụ án hình sự là quá trình liên tục gồm rất nhiều hoạt động có quan hệ chặt chẽ với nhau. Nhưng căn cứ vào trình tự, thủ tục của các hoạt động cũng như chủ thể tiến hành tố tụng, quá trình giải quyết vụ án hình sự được chia thành các giai đoạn khác nhau. Các giai đoạn tố tụng hình sự là những bước của quá trình giải quyết vụ án hình sự do chủ thể nhất định tiến hành để thực hiện những nhiệm vụ cụ thể. Các giai đoạn này có tính kế tiếp nhau. Kết quả của giai đoạn trước là cơ sở pháp lý để tiến hành giai đoạn sau.

Để phân chia các hoạt động tố tụng hình sự thành các giai đoạn khác nhau, BLTTHS nước ta chia quá trình giải quyết vụ án hình sự thành năm giai đoạn bao gồm: Giai đoạn khởi tố vụ án hình sự; giai đoạn điều tra vụ án hình sự; giai đoạn truy tố người phạm tội; giai đoạn xét xử vụ án hình sự và giai đoạn thi hành án hình

sự [57, tr. 8-10]. Đối với hoạt động xét xử phúc thẩm vụ án hình sự không phải là giai đoạn tố tụng, mà là việc Tòa án cấp trên xét lại bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực bị kháng cáo, kháng nghị; hoạt động xét xử giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án hình sự cũng không phải là các giai đoạn tố tụng hình sự trong quá trình giải quyết vụ án hình sự mà các hoạt động đó là thủ tục đặc biệt để xét lại bản án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị vì phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong khi xử lý vụ án; vì có những tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung vụ án hoặc quyết định mà Tòa án không biết được khi ra bản án hoặc quyết định đó.

Trong luận văn tác giả sẽ cố gắng xem xét các giai đoạn tố tụng có liên quan đến công tác thực hành quyền công tố của VKSND trong việc giải quyết vụ án hiếp dâm trẻ em từ khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm đến giai đoạn xét xử sơ thẩm đối với vụ án, tuy nhiên sẽ tập trung sâu hơn trong giai đoạn khởi tố và giai đoạn điều tra vụ án hiếp dâm trẻ em vì đây sẽ là tâm điểm quyết định chất lượng THQCT của VKSND. Sau đây tác giả sẽ trình bày các khái niệm có liên quan đến phạm vi của đề tài.

1.1.1. Khái niệm của thực hành quyền công tố đối với tội hiếp dâm trẻ em

Trong khoa học luật tố tụng hình sự, việc xác định THQCT có ý nghĩa rất quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn. Giúp chúng ta nhận thức đầy đủ chính xác vị trí, vai trò của Viện kiểm sát trong hệ thống cơ quan nhà nước nói chung và trong mối quan hệ với các cơ quan tư pháp nói riêng, cũng như chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát, đặc biệt là trong tố tụng hình sự.

Trong các tài liệu pháp lý của nước ta, hiện nay còn có nhiều ý kiến khác nhau về khái niệm THQCT, cũng như nội dung, phạm vi, mối quan hệ giữa THQCT với thực hiện chức năng kiểm sát tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp còn ít đề cập. Trong các nghiên cứu của mình, một số nhà nghiên cứu pháp luật có đề cập đến hoạt động THQCT, nhưng cũng chỉ đưa ra được một số biện pháp pháp lý để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát hình sự như : Kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử...

Một số khác trong giới luật học khi đề cập đến vấn đề THQCT lại xảy ra hai khuynh hướng. *Một là*, họ gắn việc THQCT với việc thực hiện nhiệm vụ khác của Công tố viên trong tố tụng hình sự. Cơ sở họ dựa vào là việc tổ chức và hoạt động của cơ quan công tố nước ngoài, cơ sở pháp lý mà họ đưa ra là các quy định pháp luật hiện hành ở nước ta, nhưng chỉ bó hẹp trong phạm vi truy tố hoặc buộc tội của Viện kiểm sát trước Tòa án. Một số khác lại mở rộng phạm vi THQCT được thực hiện trong mọi giai đoạn tố tụng hình sự bao gồm cả điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án [22, tr.100]. *Hai là*, họ chỉ nêu ra một số biện pháp pháp lý như: lập cáo trạng và luận tội trước phiên tòa sơ thẩm hình sự và coi đó là THQCT, thậm chí có quan điểm còn cho rằng thực hành quyền công tố chỉ là sự buộc tội trước phiên tòa sơ thẩm [24, tr.28-38].

Tóm lại, có rất nhiều tài liệu, công trình nghiên cứu khoa học đã đưa ra quan điểm về thực hành quyền công tố, mỗi quan điểm đều có nội dung và cách lập luận riêng, nhưng hầu hết đều thống nhất nội dung của thực hành quyền công tố với nội dung buộc tội làm một. Để xác định đúng đắn khái niệm thực hành quyền công tố, tác giả cho rằng cần phải khẳng định một số vấn đề sau đây: *Thứ nhất*, quyền công tố là quyền của Nhà nước, Nhà nước ủy quyền cho một cơ quan cụ thể thực hiện quyền này trong bộ máy cơ quan Nhà nước phân quyền hoặc phân công thực hiện chức năng [17]; *Thứ hai*, quyền công tố về thực chất là quyền của Nhà nước nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội (nếu chỉ thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự thì sẽ không thể hiện đủ các nội dung của quyền công tố và sẽ đồng nhất quyền công tố với việc buộc tội); *Thứ ba*, quyền công tố chỉ xuất hiện trong lĩnh vực tố tụng hình sự vì chỉ có trong lĩnh vực tố tụng hình sự mới giải quyết vấn đề truy cứu hay không truy cứu trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi phạm tội. Quyền công tố sẽ bắt đầu khi tội phạm xảy ra (nghĩa là khi có đối tượng tác động của quyền công tố) và sẽ kết thúc khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc khi có căn cứ khác (ví dụ: Viện kiểm sát rút quyết định truy tố, ra quyết định đình chỉ vụ án; khi đó vấn đề truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội đã giải quyết dứt

điểm nên quyền công tố đã chấm dứt tại đây). Vì vậy, tác giả cho rằng: *Quyền công tố là quyền của Nhà nước trao cho Viện kiểm sát nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không truy cứu trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, bắt đầu từ khi tội phạm được thực hiện và kết thúc khi có bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc khi có căn cứ khác.* Khi Nhà nước trao quyền công tố, Viện kiểm sát sẽ có chức năng THQCT và khi đó sẽ thực hiện các hành vi tố tụng cần thiết để truy cứu hoặc không truy cứu trách nhiệm hình sự của người phạm tội, nhưng muốn thực hiện được quyền đó hay không thì còn phụ thuộc vào việc khi nào thì viện kiểm sát phát hiện ra tội phạm. Nói cách khác, quyền công tố luôn luôn “ngự trị trên đầu” đối với tất cả những người đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa bị phát hiện và khi bị phát hiện thì cũng là lúc Viện kiểm sát bắt đầu THQCT.

Hiến pháp năm 1959 quy định, Viện kiểm sát thực hiện cả chức năng THQCT và chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Các chức năng này đã được duy trì cho tới năm 2002, khi sửa đổi bổ sung Điều 137 của Hiến pháp năm 1992 (Nghị quyết 51/2001/NQ-QH ngày 25/12/2001) quy định: Viện kiểm sát nhân dân tối cao THQCT và KSHĐTP, góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh thống nhất. Viện kiểm sát nhân địa phương THQCT và KSHĐTP trong phạm vi trách nhiệm do luật định [16, tr.18]. Và Điều 107 Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân THQCT, KSHĐTP [27]; thể chế hóa quy định Hiến định này Điều 2 Luật tổ chức VKSND năm 2014 quy định: Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan THQCT, KSHĐTP của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam [29]. Thực tiễn trong hoạt động THQCT gần 20 năm tại tỉnh Bình Phước số vụ án VKS, Tòa án ra quyết định khởi tố vụ án hình sự là không có, nếu có chỉ là một số ít yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của VKS, chiếm một tỷ lệ nhỏ so với số án mà CQĐT khởi tố, CQĐT có quyền bắt người, tiến hành các hoạt động điều tra thu thập chứng cứ...Cùng với những hoạt động này, VKS có trách nhiệm xem xét, bảo đảm cho việc áp dụng, thay thế hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn được hợp pháp, có quyền khởi tố, yêu cầu khởi tố, xem xét việc khởi tố của Cơ

quan điều tra và Tòa án. Xuất phát từ thực tiễn và pháp luật TTHS quy định là sự thể hiện nguyên tắc công tố trong pháp luật TTHS ở nước ta, tức là trách nhiệm chứng minh và nghĩa vụ phát hiện, chứng minh tội phạm và người phạm tội thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng bao gồm: CQĐT, VKS và Tòa án. Viện kiểm sát được áp dụng “các biện pháp do Bộ luật TTHS quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội” [26]. Xuất phát từ chỗ coi quyền công tố là việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội và tội phạm, có quan điểm cho rằng: “Thực hành quyền công tố là thực hiện các hành vi tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội, đưa người phạm tội ra xét xử trước Tòa án và bảo vệ sự buộc tội đó” [17, tr.48]. Khái niệm về THQCT này theo chúng tôi là hợp lý. Tuy nhiên, để làm rõ hơn khái niệm THQCT cần xuất phát từ những quyền năng pháp lý thuộc nội dung QCT. Theo đó, việc sử dụng những quyền năng này để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội chính là THQCT.

Khi bàn về khái niệm chức năng buộc tội hiện nay còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau, nhưng tác giả thấy quan điểm sau đây là hợp lý nhất:

Chức năng buộc tội là một dạng hoạt động tố tụng hình sự phát sinh từ khi có người bị buộc tội (bị bắt, bị tạm giữ hoặc bị khởi tố với tư cách là bị can...) do VKS tiến hành, buộc người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật [31, tr. 26 - 27]. Bởi vì, quan điểm này thể hiện được đầy đủ các đặc điểm đặc trưng cơ bản của chức năng buộc tội trong tố tụng hình sự là:

- Chức năng buộc tội là một dạng hoạt động chính của tố tụng hình sự;
- Do VKS thực hiện;
- Và bắt đầu từ khi có người bị buộc tội (người bị bắt, bị tạm giữ, bị khởi tố bị can) nhằm buộc người đó phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Khi bàn về những nội dung được trình bày trên, Tiến sỹ Lê Hữu Thê đã đưa ra khái niệm về THQCT: “**Thực hành quyền công tố** là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để thực hiện việc truy cứu

trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử”[32, tr.57]. Chúng tôi có phần thống nhất cao với khái niệm về THQCT của Tiến sỹ Lê Hữu Thể. Vì những nội dung này được thể hiện cụ thể tại các Điều 13 và 17 Luật tổ chức VKSND năm 2002 và Điều 112 BLTTHS năm 2003; được quy định mới nhất tại khoản 1 Điều 3 Luật tổ chức VKSND năm 2014: “Thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự”. Tuy nhiên, như đã nói ở trên (quyền công tố thực chất là quyền của Nhà nước nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người bị buộc tội) nên khái niệm này vẫn còn chưa hợp lý. Theo tác giả khái niệm hợp lý nhất là: *Thực hành quyền công tố là việc Viện kiểm sát thực hiện các hành vi tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự nhằm truy cứu hoặc không truy cứu trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội, bắt đầu từ khi Viện kiểm sát phát hiện ra tội phạm và kết thúc khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc khi có căn cứ khác.*[23, tr.43]. Dựa trên các khái niệm này có thể thấy, phạm vi QCT rộng hơn so với phạm vi THQCT và phạm vi THQCT thì không đồng nhất với phạm vi buộc tội. Bởi vì, khi phát hiện thấy dấu hiệu tội phạm thì sẽ bắt đầu THQCT, nhưng vào thời điểm phát hiện dấu hiệu tội phạm chưa chắc đã phát hiện được người thực hiện hành vi phạm tội (người bị buộc tội) nên chưa có chức năng buộc tội. Mặt khác, trong một số trường hợp, chức năng buộc tội có thể thực hiện sớm hơn chức năng THQCT (như trong trường hợp người bị bắt, người bị tạm giữ, dù chưa có quyết định khởi tố vụ án hình sự nhưng đã có đối tượng bị buộc tội, nên chức năng buộc tội đã xuất hiện). Từ những phân tích ở trên, có thể đưa ra một số tiêu chí để phân biệt chức năng THQCT với chức năng buộc tội như sau: *Về chủ thể*: Chức năng THQCT và chức năng buộc tội đều có chủ thể là VKS. *Về nội dung*: Chức năng THQCT là truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không truy cứu trách nhiệm hình sự; còn chức năng buộc tội là truy cứu trách nhiệm hình sự. *Phạm vi không gian*: Trong tố tụng hình

sự. *Phạm vi thời gian*: Chức năng THQCT bắt đầu từ khi phát hiện tội phạm và kết thúc khi bản án/quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc khi có căn cứ khác. Còn chức năng buộc tội bắt đầu khi có người bị buộc tội và kết thúc khi có bản án/quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Trong mỗi quan hệ này, chức năng buộc tội chỉ là một phần thể hiện rõ nét nhất chức năng THQCT, bởi vì, khi THQCT, Viện kiểm sát không chỉ nhằm mục đích truy cứu trách nhiệm hình sự (buộc tội) mà còn có thể ra các quyết định khác như rút quyết định truy tố, đình chỉ vụ án, đề nghị Tòa án tuyên vô tội. Trong khi đó, buộc tội thì chỉ nhằm mục đích truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội mà thôi. Nói cách khác, trong khi thực hiện chức năng THQCT mà Nhà nước giao cho, VKS có quyền áp dụng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự để buộc tội một người (truy cứu trách nhiệm hình sự), ngược lại, để thực hiện chức năng buộc tội của tố tụng hình sự thì VKS phải được trao quyền thực hành quyền công tố. Do đó, trong quyền công tố có nội dung buộc tội, và buộc tội chỉ là một phần của chức năng THQCT.

Qua phân tích các khái niệm, có thể thấy giữa chức năng buộc tội và chức năng THQCT có mối quan hệ khăng khít với nhau, không thể tách rời. Điều này cũng được thể hiện rõ nét trong quy định của BLTTHS năm 2013, cụ thể: Khoản 1 Điều 23 BLTTHS năm 2013 quy định “*Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự, quyết định việc truy tố người phạm tội ra Tòa*”. Theo quy định này, chỉ có Viện kiểm sát mới là cơ quan được Nhà nước trao quyền THQCT, và khi THQCT thì VKS có quyền truy tố (buộc tội) người phạm tội ra trước Tòa. Vì vậy, trong quá trình thực hiện chức năng công tố, pháp luật giao cho Viện kiểm sát trực tiếp thực hiện việc buộc tội người thực hiện hành vi phạm tội và bảo vệ sự buộc tội đó tại phiên tòa.

Tuy nhiên, thực tiễn tố tụng còn bộc lộ những bất cập như một số quy định của BLTTHS năm 2003 đã thể hiện việc phân định không rõ ràng chức năng xét xử của Tòa án với chức năng buộc tội, không chỉ có VKS mới thực hiện chức năng buộc tội mà ngay cả Tòa án cũng được giao thực hiện chức năng này. Chẳng hạn khoản 1 Điều 104 BLTTHS năm 2003 quy định rằng: “*Hội đồng xét xử ra quyết*

định khởi tố hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện được tội phạm hoặc người phạm tội mới cần phải điều tra”, mà quyết định khởi tố vụ án là khởi đầu cho hoạt động buộc tội. Mặt khác, theo quy định tại Điều 10 BLTTHS năm 2003 thì *“Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng”*, như vậy, thì vai trò chứng minh tội phạm của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án là như nhau, và Tòa án cũng thực hiện cả chức năng buộc tội. Về nguyên lý, bên nào thực hiện chức năng buộc tội thì bên đó phải có trách nhiệm chứng minh, lập luận cho các lý lẽ của việc buộc tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, pháp luật chuyển trách nhiệm chứng minh tội phạm từ bên buộc tội (VKS) sang Tòa án (Hội đồng xét xử) thông qua việc quy định Hội đồng xét xử là người hỏi chính, hỏi đầu tiên và hỏi về toàn bộ các vấn đề của vụ án. Như vậy, quy định này đã không tạo cơ sở để phát huy trách nhiệm, tính chủ động, tích cực của bên buộc tội trong việc thực hiện chức năng tố tụng của mình [34, tr.48,49]. Điều 195 BLTTHS năm 2003 quy định *“Tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, Kiểm sát viên có thể rút một phần hay toàn bộ quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn, Hội đồng xét xử vẫn phải xét xử toàn bộ vụ án”* là không đảm bảo việc xác định chính xác phạm vi thực hiện chức năng buộc tội với chức năng xét xử. Ngoài ra, quy định về giới hạn xét xử của Tòa án cũng thể hiện rõ việc Tòa án không chỉ xét xử theo những gì mà VKS truy tố, mà trong một số trường hợp có thể *“Xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố”*. Ở góc độ nào đó, những quy định này đã đề cao vai trò của xét xử, làm hạn chế vai trò của chức năng buộc tội, không thể hiện được mối quan hệ chặt chẽ giữa chức năng buộc tội với chức năng THQCT trong việc thực hiện mục đích truy cứu trách nhiệm hình sự người thực hiện hành vi phạm tội.

Thực hành quyền công tố là một trong hai chức năng cơ bản của VKSND. Tuy nhiên để định hình về nội hàm và nhận thức như ngày nay, chức năng THQCT đã trải qua quá trình dài hoàn thiện, qua từng giai đoạn lịch sử khác nhau, tùy thuộc vào mô hình, tổ chức hoạt động của cơ quan thực hiện chức năng công tố trước năm

1960 (thuộc Tòa án) và sau này là VKSND. Nghiên cứu quá trình hình thành và hoàn thiện chức năng THQCT của VKS có ý nghĩa quan trọng trong quá trình cải cách tư pháp cũng như hoàn thiện hệ thống pháp luật, kiện toàn mô hình VKSND các cấp.

Từ những phân tích, nghiên cứu những khái niệm về THQCT và có quan điểm của mình tác giả luận văn mạnh dạn đưa ra khái niệm về THQCT đối với tội hiếp dâm trẻ em nói riêng đó là: “Thực hành quyền công tố **đối với tội hiếp dâm trẻ em** là việc Viện kiểm sát thực hiện các hành vi tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người bị buộc **tội hiếp dâm trẻ em**, bắt đầu từ khi Viện kiểm sát phát hiện ra **tội phạm hiếp dâm trẻ em** và kết thúc khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc khi có căn cứ khác”.

“Hiếp dâm trẻ em là hành vi của một người dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc dùng thủ đoạn khác giao cấu với người dưới 16 tuổi”[25, tr. 200]. Tội hiếp dâm trẻ em là tội phạm mới được quy định tại luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLHS được Quốc hội thông qua ngày 10-5-1997, trên cơ sở tách một phần đoạn 2 khoản 1 và toàn bộ khoản 4 Điều 112 BLHS chưa được sửa đổi, do yêu cầu của việc đấu tranh với tệ xâm phạm tình dục của trẻ em ngày càng nghiêm trọng, thành Điều 112. BLHS năm 1999 về cơ bản vẫn giữ lại các dấu hiệu, các tình tiết định khung hình phạt như Điều 112 BLHS năm 1985. Tuy nhiên có bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn xét xử và tình hình phát triển của xã hội.

Các dấu hiệu của tội phạm hiếp dâm trẻ em về cơ bản tương tự như tội hiếp dâm mà nạn nhân không phải là trẻ em quy định tại Điều 111 BLHS. tuy nhiên, vì nạn nhân là trẻ em nên có một vài dấu hiệu thuộc về phía nạn nhân không giống với trường hợp hiếp dâm mà nạn nhân không phải là trẻ em, như: đối với nạn nhân từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi thì phải xác định việc giao cấu trái với ý muốn của nạn nhân, còn đối với nạn nhân dưới 13 tuổi thì dù nạn nhân có đồng ý hay không đồng

ý giao cầu thì người phạm tội vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội hiếp dâm trẻ em.

Việc nhà làm luật quy định nạn nhân dưới 13 tuổi dù có đồng ý để người phạm tội giao cầu thì hành vi giao cầu này vẫn bị coi là phạm tội hiếp dâm trẻ em, xuất phát từ luận điểm: ở độ tuổi dưới 13 trẻ em còn hết sức non nớt, yếu ớt, chưa có khả năng biểu lộ ý chí đúng đắn, dễ bị người khác rủ rê, lôi kéo, mua chuộc, khó có thể tự vệ được, nên cần được bảo vệ một cách đặc biệt nhằm bảo đảm sự phát triển bình thường, lành mạnh của trẻ em mà cần phải trừng trị thật nghiêm khắc đối với hành vi xâm phạm tình dục đối với trẻ em.

Tuổi của nạn nhân (người bị hiếp dâm) là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội hiếp dâm trẻ em. Việc xác định tuổi của người bị hại trên cơ sở giấy khai sinh của họ, nếu trường hợp mất giấy khai sinh hoặc không có giấy khai sinh thì cơ quan tiến hành tố tụng phải áp dụng tất cả các biện pháp có thể được để xác định tuổi thật của người bị hại.

1.1.2. Đặc điểm của thực hành quyền công tố đối với tội hiếp dâm trẻ em

Từ khái niệm trên chúng ta có thể đưa ra những đặc điểm chung, cơ bản của THQCT đối với tội hiếp dâm trẻ em như sau:

Thứ nhất, chủ thể THQCT, đó là Viện kiểm sát, cơ sở lý luận là những nguyên lý của V.I. Lênin về pháp chế xã hội chủ nghĩa và vai trò của VKS, về vai trò và bổn phận của Ủy viên công tố; cơ sở pháp lý được đưa ra là các quy định của Hiến pháp và Luật tổ chức Viện kiểm sát từ năm 1959 đến nay, thì chức năng THQCT được giao cho cơ quan Viện kiểm sát;

Thứ hai, để thực hiện có hiệu quả chức năng THQCT do Hiến pháp và Luật tổ chức Viện kiểm sát và Bộ luật TTHS đã quy định. VKS được sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố đó là:

Mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội;

Không để người nào bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế quyền con người, quyền công dân trái luật.

Các quyền năng pháp lý này được quy định trong BLTTHS, Luật tổ chức VKS, BLHS...để truy cứu/hoặc không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội hiếp dâm trẻ em trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử;

Thứ ba, đối tượng tác động của thực hành quyền công tố là tội phạm hiếp dâm trẻ em và người phạm tội hiếp dâm trẻ em; phạm vi của thực hành quyền công tố bắt đầu từ khi phát hiện tội phạm xảy ra và kết thúc khi bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật, hoặc khi có căn cứ khác;

Thứ tư, Để đảm bảo THQCT trong thực tế đấu tranh phòng chống tội phạm hiếp dâm trẻ em thì Nhà nước ta ban hành các văn bản pháp luật, trong đó quy định các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố. Các quyền năng này được giao cho cơ quan VKS thực hiện để phát hiện tội phạm và truy cứu hoặc không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội hiếp dâm trẻ em. Do đó, cơ quan VKS được gọi là cơ quan có trách nhiệm THQCT.

1.2. Các quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong vụ án hiếp dâm trẻ em

1.2.1. Chủ thể, phân công, phân cấp và quan hệ phối hợp của Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình thực hành quyền công tố tội hiếp dâm trẻ em

1.2.1.1. Chủ thể, phân công, phân cấp

Theo Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức VKSND năm 2014; BLTTHS năm 2003, ở giai đoạn điều tra nói chung và ở giai đoạn điều tra các vụ án hiếp dâm trẻ em nói riêng thì VKS đều có hai chức năng là THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong quá trình điều tra. Đây là hai chức năng độc lập có quan hệ mật thiết với nhau, việc đấu tranh phòng, chống tội phạm phải gắn liền với đấu tranh chống vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp hình sự, nhằm bảo đảm những hành vi phạm tội đã được phát hiện đều phải được điều tra và xử lý theo pháp luật, để cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm của các cơ quan tư pháp tuân thủ đường lối, chính sách của Đảng, Pháp luật Nhà nước. Được thể hiện ở các phương diện sau:

Khi tội phạm hiếp dâm trẻ em được phát hiện, vụ án được khởi tố điều tra, lúc này quyền công tố được phát động, đồng thời VKS bắt đầu tiến hành kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra...Cũng có trường hợp quyền công tố chưa được phát động, nhưng hoạt động kiểm sát đã được thực hiện, như: kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi...trong các vụ án giết người và hiếp dâm trẻ em của CQĐT trước khi khởi tố vụ án.

Khi quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, việc áp dụng thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cũng như các quyết định tố tụng khác của CQĐT trong các vụ án hiếp dâm trẻ em, là VKS đã trực tiếp thực hành quyền công tố. Đồng thời, VKS còn kiểm tra tính hợp pháp của các quyết định tố tụng của CQĐT, nghĩa là VKS thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra của CQĐT.

Khi quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ vụ án đối với bị can hoặc quyết định phục hồi điều tra...VKS thực hành quyền công tố. Khi quyết định việc truy tố bị can ra Tòa, VKS thực hành quyền công tố, nhưng quyết định truy tố cũng phải bảo đảm tính có căn cứ và tính hợp pháp, có nghĩa là VKS khi THQCT cũng phải đặt mình trong sự tuân thủ pháp luật TTHS.

Tóm lại, ở giai đoạn điều tra vụ án hiếp dâm trẻ em, khi thực THQCT là những biện pháp mà VKS trực tiếp quyết định; còn kiểm sát hoạt động điều tra là những biện pháp VKS không trực tiếp ra quyết định, mà qua công tác kiểm sát, nếu phát hiện các vi phạm pháp luật của CQĐT thì kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu CQĐT khắc phục vi phạm hoặc kiến nghị các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa.

1.2.1.2. Quan hệ phối hợp của Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình thực hành quyền công tố tội hiếp dâm trẻ em

Giữa hoạt động THQCT và hoạt động kiểm sát điều tra tội hiếp dâm trẻ em là mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau, có tác dụng hỗ trợ cho nhau. Mối quan hệ này song song tồn tại trong phạm vi bắt đầu từ khi tội phạm hiếp dâm trẻ em được phát hiện, khởi tố, điều tra cho đến khi CQĐT ban hành bản kết luận điều

tra. Trong mối quan hệ giữa hoạt động THQCT và kiểm sát hoạt động điều tra trong giai đoạn điều tra, có một vấn đề hết sức lưu ý, đó là: mục đích của hoạt động THQCT và mục đích của kiểm sát hoạt động điều tra trong giai đoạn điều tra. Mục đích của hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra là nhằm chứng minh tội phạm và người phạm tội cũng như các hành vi phạm tội của họ. Hoạt động này phải đầy đủ, chính xác, khách quan, theo đúng các trình tự, thủ tục, nội dung do pháp luật quy định. Hoạt động kiểm sát điều tra ở giai đoạn điều tra có mục đích đảm bảo các hoạt động điều tra được đúng đắn, đầy đủ, khách quan, nghĩa là được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục, nội dung do pháp luật quy định. Như vậy, cả hoạt động THQCT và kiểm sát hoạt động điều tra trong giai đoạn điều tra có chung một mục đích bao quát là nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội hiếp dâm trẻ em được xử lý kịp thời, việc khởi tố, điều tra, truy tố được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt người phạm tội, không làm oan người vô tội. Hoạt động THQCT và hoạt động kiểm sát điều tra có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau, tác động, ảnh hưởng đến nhau. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật có hiệu quả là điều kiện bảo đảm THQCT đúng đắn, chính xác, khách quan và ngược lại. Để làm tốt được hoạt động THQCT và Kiểm sát hoạt động điều tra trong giai đoạn điều tra vụ án hiếp dâm trẻ em, thì mối quan hệ giữa CQĐT và VKS đóng vai trò hết sức quan trọng. Vì: theo quy định của BLTTHS năm 2003 và các văn bản liên quan thì mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong giai đoạn điều tra được thể hiện dưới hai hình thức: Phối hợp và chế ước. Trong giới hạn của đề tài chúng tôi không phân tích nội dung quan hệ phối hợp, mà chỉ phân tích nội dung chế ước về mối quan hệ giữa cơ quan VKS với CQĐT để làm rõ chức năng THQCT của VKS.

BLTTHS quy định: “Viện kiểm sát có nhiệm vụ thực hành quyền công tố, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Trong các giai đoạn tố tụng hình sự, Viện kiểm sát có trách nhiệm áp dụng những biện pháp do Bộ luật này quy định để loại trừ việc vi phạm pháp luật của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào” (Điều 23 BLTTHS năm 2003). Việc phân tích bản chất, hình thức trong mối quan hệ giữa CQĐT và VKS làm sáng tỏ về mặt lý luận và áp dụng thống nhất

trong thực tiễn. Đồng thời qua đó tìm ra những cơ sở khoa học để đổi mới hoàn thiện các quy chế về mối quan hệ trong giải quyết vụ án hình sự giữa hai cơ quan này, từ đó đạt được mục đích nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng của CQĐT và VKS trong giai đoạn điều tra vụ án. BLTTHS năm 2003 đã bổ sung quy định VKS có quyền phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của CQĐT, hay sửa đổi quy định về nhiệm vụ giải quyết các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước, theo đó thẩm quyền giải quyết thuộc CQĐT, còn VKS có trách nhiệm sau khi tiếp nhận các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước thì chuyển ngay cho CQĐT kèm theo các tài liệu liên quan để xử lý giải quyết và kiểm sát việc giải quyết thông tin tội phạm đó của CQĐT (Điều 103 BLTTHS năm 2003). BLTTHS năm 2003 quy định rõ phạm vi, thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự giữa CQĐT và VKS, Viện kiểm sát chỉ khởi tố vụ án trong hai trường hợp: Thứ nhất, khi hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án của CQĐT; thứ hai, khi Hội đồng xét xử yêu cầu khởi tố vụ án. Việc quy định như trên nhằm tránh việc đồng thời cả CQĐT và VKS cùng một lúc ra quyết định khởi tố vụ án và cũng để thống nhất với việc tập trung cho CQĐT giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. Những quy định của BLTTHS năm 2003 đã dần làm rõ trách nhiệm của CQĐT và VKS trong hoạt động tố tụng, nếu có xảy ra oan sai: “Cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự đã làm oan phải bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho bị can; Người đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”. Trong thực tế hiện nay, có trường hợp VKS chỉ sử dụng đơn thuần quan hệ phối hợp mà không sử dụng quyền chế ước dẫn đến tình trạng làm thay CQĐT, không cương quyết bảo vệ quan điểm đúng đắn cũng như những quy định của pháp luật bị vi phạm. Ngược lại, sử dụng cứng nhắc quyền chế ước của VKS đối với CQĐT có thể tạo ra mối quan hệ căng thẳng trong công tác. Những trường hợp này tuy không phải là hiện tượng phổ biến, nhưng cũng phần nào làm ảnh hưởng đến chất lượng điều tra, kiểm sát điều tra và kết quả đấu tranh phòng chống tội phạm đang diễn ra phức tạp như hiện nay.

1.2.2. Nội dung thực hành quyền công tố trong vụ án hiếp dâm trẻ em

Ngày 23/11/2012, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 37/2012/QH13 (Nghị quyết số 37) về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, của TAND và công tác thi hành án năm 2012. Qua đó, khẳng định vai trò của VKSND trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và phòng, chống tội hiếp dâm trẻ em nói riêng là quan trọng và không cơ quan nào có thể thay thế. Theo đó, tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 37 quy định: “Viện kiểm sát nhân dân Tối cao chỉ đạo các Viện kiểm sát áp dụng đồng bộ các giải pháp, bảo đảm thực hành quyền công tố, làm tốt hơn công tác kiểm sát xử lý tố giác, tin báo về tội phạm, kiểm sát 100% số vụ án hình sự ngay từ khi khởi tố, kiểm sát chặt chẽ các hoạt động điều tra, kịp thời đề ra yêu cầu điều tra để chống bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội; phát hiện kịp thời và yêu cầu xử lý nghiêm minh vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Ra quyết định truy tố đúng thời hạn trên 90% số vụ án hình sự đã có kết luận điều tra đề nghị truy tố; bảo đảm truy tố bị can đúng tội đạt trên 95%. Kiểm sát viên phải chủ động, tích cực tranh luận, đối đáp tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự. Bảo đảm các kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm đối với các loại án phải có căn cứ và đúng pháp luật, nâng tỷ lệ các kháng nghị được Tòa án chấp nhận đạt trên 70%”.

Trong khoa học pháp lý hình sự có nhiều quan điểm khác nhau về phạm vi thực hành quyền công tố, đối tượng, chủ thể thực hành quyền công tố. Tuy nhiên, dưới góc độ pháp luật thực định, mà văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất là Hiến pháp, từ Hiến pháp năm 1980 đến nay vẫn ghi rõ: “*Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố*”. Trên cơ sở tổng kết lý luận và thực tiễn nhiều năm qua, Luật Tổ chức VKSND năm 2014 lần đầu tiên đã có quy định làm rõ khái niệm, đối tượng, nội dung, phạm vi, mục đích của thực hành quyền công tố, đặt nền tảng để thống nhất nhận thức và tổ chức triển khai hoạt động công tác này trên thực tế, cụ thể như sau:

Về khái niệm, đối tượng, phạm vi THQCT được quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Tổ chức VKSND năm 2014: “Thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự”.

Về mục đích THQCT, được quy định rõ tại khoản 2 Điều 3 Luật Tổ chức VKSND năm 2014: “Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố nhằm bảo đảm: Mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội; Không để người nào bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế quyền con người, quyền công dân trái luật”.

Về nội dung THQCT, được quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Tổ chức VKSND năm 2014: “Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng thực hành quyền công tố bằng các công tác sau đây: Thực hành quyền công tố trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự; thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố tội phạm; thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự; điều tra một số loại tội phạm; thực hành quyền công tố trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự”.

Quy định trên đã cho thấy chức năng THQCT chỉ thuộc về VKSND và đặc biệt THQCT chỉ có trong lĩnh vực pháp luật tố tụng hình sự, liên quan trực tiếp đến tội phạm, người phạm tội và hình phạt. Vì vậy, khi thực hiện chức năng THQCT, VKSND có vai trò là thiết chế quan trọng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Vai trò của THQCT trong đấu tranh phòng, chống tội phạm luôn được nhấn mạnh trong các văn kiện của Đảng từ năm 2002 đến nay. Đó là: “công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng”, “nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa”[5], “tăng cường trách nhiệm công tố

trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra”[6], [11]. Trách nhiệm của THQCT không chỉ là xử lý nghiêm minh tội phạm, người phạm tội đã được phát hiện mà còn phải phát hiện tội phạm ẩn, minh oan cho người bị oan, sai. Thể chế hóa các chủ trương của Đảng về tăng cường trách nhiệm công tố và bảo đảm việc thực hiện Nghị quyết số 37 của Quốc hội về công tác của Viện kiểm sát nhân dân, Luật Tổ chức VKSND năm 2014 đã có những quy định quan trọng về công tác thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong lĩnh vực tố tụng hình sự, đặc biệt thông qua chức năng thực hành quyền công tố thể hiện vai trò của VKSND trong đấu tranh phòng, chống tội phạm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

Thứ nhất, VKSND đã có được vị thế chủ động hơn nữa trong đấu tranh phòng, chống tội phạm bằng việc quy định trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND ngay khi tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố nhằm tránh bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội từ khi các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh thông tin về tội phạm.

Theo quy định tại Điều 103 Bộ luật TTHS năm 2003, Điều 12 Luật Tổ chức VKSND năm 2014, nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND khi THQCT trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố:

- Phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

- Hủy bỏ quyết định tạm giữ, các quyết định tố tụng khác trái pháp luật của cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

- Khi cần thiết đề ra yêu cầu điều tra, xác minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác để thực hành quyền công tố theo quy định của BLTTHS nhằm chống bỏ lọt tội phạm, chống làm oan người vô tội.

Theo điểm 2, 3 Điều 13 Luật Tổ chức VKSND năm 2014, nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND khi kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố:

- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm thông báo đầy đủ, kịp thời tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đã tiếp nhận cho VKSND.

- Trực tiếp kiểm sát; kiểm sát việc kiểm tra, xác minh, lập hồ sơ và kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm thông báo đầy đủ, kịp thời kết quả xác minh, giải quyết cho VKSND.

Như vậy, vai trò của VKSND trong công tác THQCT và kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố rất quan trọng và cần thiết đối với hoạt động điều tra của CQĐT. Vai trò đó vừa thể hiện sự kiểm tra, giám sát đối với hoạt động điều tra của CQĐT vừa thể hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong giai đoạn tố tụng này.

Thứ hai, thông qua việc tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra, VKSND là chủ thể bảo đảm cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm thật sự có hiệu quả và chất lượng. Điều 112 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định Nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT trong giai đoạn điều tra và nhằm tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, Luật Tổ chức VKSND năm 2014 quy định đầy đủ và rõ ràng hơn thẩm quyền ban hành các yêu cầu, quyết định tố tụng của VKSND trong giai đoạn điều tra; quy định VKSND có thẩm quyền phê chuẩn, không phê chuẩn, hủy bỏ các lệnh, quyết định của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Với mục đích gắn công tố với hoạt động điều tra, theo tinh thần Báo cáo số 35-BC/CCTP ngày 12/3/2014 của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương tổng kết 8 năm thực hiện Nghị quyết số 49- NQ/TW của Bộ Chính trị, Luật Tổ chức VKSND năm 2014 đã bổ sung quy định về quyền hạn khởi tố, quyền hạn điều tra của VKSND, cụ thể như sau:

- Viện KSND có quyền khởi tố hoặc yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm.

- Viện KSND có quyền trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xem xét phê chuẩn các lệnh, quyết định của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà VKSND đã yêu cầu nhưng không được khắc phục.

Thứ ba, VKSND được xác định rõ là chủ thể duy nhất có quyền truy tố hoặc không truy tố bị can trước Tòa án theo quy định tại khoản 6 Điều 112, Điều 166-169 BLTTHS.

Truy tố bị can thuộc thẩm quyền riêng biệt của VKSND, phản ánh kết quả hoạt động điều tra của CQĐT mà VKSND phải chịu trách nhiệm trước Nhà nước. Truy tố bị can hoặc không truy tố bị can có ý nghĩa quan trọng, vì việc truy tố sẽ quyết định sinh mệnh của một cá nhân. VKSND có quyền phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra, điều này có nghĩa VKSND phải thẩm định, xem xét một cách toàn diện hồ sơ trên cơ sở quy định của pháp luật để đưa ra quyết định của mình, quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra chỉ có giá trị từ khi VKSND ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can đó. Vì vậy, từ khi VKSND phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, VKSND phải chịu trách nhiệm về việc điều tra, định hướng điều tra, để thực hiện quyền truy tố bị can trước pháp luật. Nói cách khác, truy tố bị can là việc đưa một người phạm tội ra xét xử trước Tòa án. Tuy nhiên, không phải trong mọi trường hợp CQĐT, VKSND đều đưa ra được những quyết định đúng đắn khi giải quyết vụ án, bởi có nhiều vụ

án phức tạp, chứng cứ buộc tội không thu thập được đầy đủ hoặc do thời hạn quá ngắn mà khối lượng công việc nhiều nên đánh giá không chính xác nội dung sự việc phạm tội, dẫn đến tình trạng đã phê chuẩn quyết định khởi tố bị can nhưng không chứng minh được tội phạm hoặc có căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự... Trong trường hợp này, VKSND buộc phải ra quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can, tức là VKSND quyết định không truy tố bị can. Trên thực tế, khi giải quyết các vụ án hình sự, cũng không ít các địa phương phải ra quyết định không truy tố bị can. Điều này càng khẳng định vai trò của VKSND khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố, phải bảo đảm truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm mà đặc biệt không làm oan người vô tội.

Thứ tư, Thông qua công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự, VKSND thực hiện quyền buộc tội đối với người phạm tội để Tòa án đưa ra phán quyết đúng quy định pháp luật. Tại Điều 18 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự như sau: “*Công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa; xét hỏi, luận tội, tranh luận, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa; kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp phát hiện oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc buộc tội theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự*”.

Như vậy, tại phiên tòa VKSND thông qua Kiểm sát viên có quyền công bố cáo trạng, xét hỏi, luận tội, tranh luận, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đây chính là nội hàm của quyền buộc tội của VKSND. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự là giai đoạn cuối cùng của thực hành quyền công tố, đồng thời việc buộc tội có giá trị pháp lý cao nhất, ảnh hưởng lớn nhất đến uy tín cũng như năng lực của VKSND trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, vì kết quả của việc buộc tội phản ánh toàn bộ quá trình tố tụng trước đó.

Thông qua chức năng thực hành quyền công tố trong các vụ án hình sự, VKSND được Nhà nước trao cho nhiệm vụ, quyền hạn rất lớn nhưng cũng đầy

trách nhiệm trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Với những quy định cụ thể trong Luật Tổ chức VKSND năm 2014 đã có hiệu lực và các Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 đang được chỉnh sửa, bổ sung sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để VKSND thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và đấu tranh phòng, chống tội hiếp dâm trẻ em nói riêng đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

Kết luận chương 1

Nội dung chương 1 của luận văn đã làm rõ tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến THQCT trong điều tra vụ án hình sự nói chung và vụ án hiếp dâm trẻ em nói riêng, ở các giai đoạn THQCT trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, giai đoạn điều tra vụ án, giai đoạn truy tố, và giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hiếp dâm trẻ em. Nhưng đi sâu hơn về THQCT trong giai đoạn điều tra vụ án hiếp dâm trẻ em. THQCT là những biện pháp mà Viện kiểm sát trực tiếp quyết định, như: quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; quyết định phê chuẩn các quyết định của CQĐT; còn kiểm sát hoạt động điều tra là những biện pháp VKS không trực tiếp ra quyết định, mà là hoạt động của KSV thông qua công tác kiểm sát hoạt động điều tra của CQĐT, yêu cầu CQĐT thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, nếu phát hiện các vi phạm pháp luật của CQĐT, ĐTV thì kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu CQĐT khắc phục vi phạm. Hoạt động THQCT và hoạt động kiểm sát điều tra đều có chung một mục đích: bảo đảm việc giải quyết chính xác, đúng đắn vụ án hiếp dâm trẻ em. Đây là những vấn đề lý luận làm cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động thực hiện chức năng THQCT trong các vụ án hình sự nói chung và THQCT trong vụ án hiếp dâm trẻ em nói riêng tại chương 2.

Chương 2

THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG VỤ ÁN HIẾP DÂM TRẺ EM TẠI TỈNH BÌNH PHƯỚC

2.1. Thực trạng tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước trong thực hành quyền công tố đối với vụ án hiếp dâm trẻ em

Bình Phước là một tỉnh thuộc miền Đông Nam bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có 260,433 km đường biên giới giáp với Vương quốc Campuchia. Tỉnh là cửa ngõ, cầu nối của vùng Đông Nam bộ với Tây Nguyên và Campuchia. Cụ thể, phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng và Đồng Nai; phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và Campuchia; phía Nam giáp tỉnh Bình Dương; phía Bắc giáp tỉnh Đắk Nông và Campuchia.

Tỉnh có diện tích 6.871,5 km², dân số 905.300 người, mật độ dân số đạt 132 người/km² (theo số liệu thống kê năm 2011), gồm 41 dân tộc khác nhau (đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 17,9%, dân tộc Stiêng chiếm đa số) sinh sống trên địa bàn 111 xã, phường, thị trấn thuộc 8 huyện, 3 thị xã. Và là nơi dân di cư đến lập nghiệp, lao động hàng năm rất đông.

Trong những năm qua tình hình an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Phước tiếp tục ổn định, kinh tế ngày càng phát triển, đời sống nhân dân được nâng lên, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được đẩy mạnh chưa xảy ra tội phạm hoạt động theo kiểu xã hội đen, chưa phát hiện các đường dây tội phạm có tổ chức ...

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, diễn biến của tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội ở Bình Phước có chiều hướng phức tạp và ngày càng mạnh động dẫn đến nhiều vụ án, trong đó tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong những năm qua diễn biến phức tạp, tăng giảm thất thường và năm 2011 có chiều hướng gia tăng. Số vụ án hiếp dâm trẻ em chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số vụ phạm tội nhưng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội là rất lớn, [bảng 2.7]. Không chỉ trực tiếp xâm phạm đến nhân phẩm của các em, do các em còn quá nhỏ, trí lực non nớt, thể lực yếu ớt nên khi xâm phạm đến nhân phẩm thì tội phạm cũng

trực tiếp xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của các em và làm băng hoại đến những giá trị thuần phong mỹ tục của dân tộc, có những vụ án hiếp dâm trẻ em để lại hậu quả đau lòng, nghiêm trọng, độ tuổi của người phạm tội chiếm số đông là người chưa thành niên thậm chí đang ở độ tuổi học sinh trung học cơ sở, gây hoang mang, phẫn nộ trong một bộ phận quần chúng nhân dân nhất là ở những nơi vùng sâu, vùng giáp biên giới nơi nhiều đồng bào dân tộc sinh sống.

Trước yêu cầu của Đảng và Nhà nước ta đối với toàn ngành Kiểm sát được nêu trong Chỉ thị, Nghị quyết của Bộ Chính trị và Quốc hội, trong đó thể hiện quan điểm chỉ đạo “Nâng cao chất lượng hoạt động của Viện kiểm sát theo chức năng quy định trong Hiến pháp 2013, cụ thể toàn ngành Kiểm sát tập trung làm tốt chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Ngày 06/12/2013 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Chỉ thị số 06/CT-VKSTC về: “Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra” làm điểm nhấn cho VKS các cấp nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung và THQCT đối với tội hiếp dâm trẻ em nói riêng. Trong những năm qua, công tác THQCT trong các vụ án hình sự nói chung và các vụ án hiếp dâm trẻ em nói riêng đã được lãnh đạo Viện KSND tỉnh Bình Phước đặc biệt quan tâm, chỉ đạo kịp thời và đạt được kết quả đáng khích lệ. Các vụ án hiếp dâm trẻ em đã được xử lý kịp thời, nghiêm minh, góp phần giữ vững ổn định an ninh - chính trị và trật tự an toàn xã hội, góp phần có hiệu quả vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Những kết quả đó được thể hiện dưới các bình diện và đội ngũ Kiểm sát viên ngành Kiểm sát tỉnh Bình Phước nói chung. Tính đến cuối năm 2015 toàn bộ ngành Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước gồm VKSND tỉnh và 11 VKSND cấp huyện (03 thị xã và 08 huyện), có 09 phòng nghiệp vụ, được giao biên chế là 205 người gồm VKSND tỉnh 61 người, VKSND cấp huyện 144 người, Phòng 1 là 11 người, tuy nhiên toàn tỉnh mới tuyển dụng được 200 người, còn thiếu 5 người, riêng phòng 1 có 10 người, thiếu 01 người so với biên chế được giao. Kiểm sát viên trung cấp toàn tỉnh là 41 người, phòng 1 có 06 người; Kiểm sát viên sơ cấp toàn tỉnh là 77 người, phòng 1 có 04 người. Những người có

trách nhiệm trong THQCT đối với vụ án hiếp dâm gồm Viện trưởng, 01 Phó viện trưởng, Trưởng phòng 1, 02 Phó trưởng phòng 1, 03 Kiểm sát viên trung cấp và 04 Kiểm sát viên sơ cấp. Với số người như trên, phòng 1 phải thực hiện ba mảng công tác THQCT, KSĐT & KSXX sơ thẩm án hình sự về Trật tự xã hội, án An ninh và án Ma túy, trong đó án hiếp dâm trẻ em thuộc mảng trật tự xã hội [bảng 2.1]. Đây là một áp lực rất lớn đối với các KSV của phòng 1 nói riêng và VKSND tỉnh nói chung. Trong 5 năm qua bằng nhiều giải pháp cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể phòng 1, công tác thực hành quyền công tố nói chung và công tác THQCT trong vụ án hiếp dâm trẻ em nói riêng đã có nhiều tiến bộ, năm sau đạt chất lượng hơn năm trước. Tuy nhiên, bên cạnh đó cần nhìn nhận thẳng thắn rằng công tác THQCT còn có những thiếu sót, hạn chế đó là còn một số vụ án hiếp dâm trẻ em khởi tố sai tội danh; phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều lần; phải hủy để điều tra lại.

2.2. Thực tiễn thực hành quyền công tố trong vụ án hiếp dâm trẻ em tại tỉnh Bình Phước

Xác định công tác trọng tâm của ngành là: Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân; phối hợp chặt chẽ với cơ quan hữu quan tăng cường đấu tranh chống các loại tội phạm, đặc biệt là tội phạm hiếp dâm trẻ em. Để đấu tranh chống tội phạm hiếp dâm trẻ em có hiệu quả, Viện kiểm sát thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Cơ quan điều tra, Tòa án nhân dân các cấp trong việc điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hiếp dâm trẻ em, nhất là các vụ án phạm tội có tính chất đặc biệt nghiêm trọng có nhiều đối tượng thực hiện, người bị hại còn rất nhỏ tuổi, các vụ án hiếp dâm trẻ em được dư luận xã hội quan tâm, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Tăng cường kiểm sát các hoạt động tư pháp, làm rõ trách nhiệm và khắc phục tình trạng vi phạm thời hạn tố tụng, xử lý kịp thời đối với những trường hợp để xảy ra oan, sai; chú trọng công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát, nhất là những vụ việc hiếp dâm trẻ em bức xúc, phức tạp, kéo dài; nâng cao ý thức trách nhiệm, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao theo yêu cầu cải cách tư pháp.

Chính vì vậy, trong những năm qua, hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong các vụ án hiếp dâm trẻ em đạt được nhiều kết quả, đặc biệt là sau khi Luật Tổ chức Viện kiểm sát năm 2014 được ban hành.

Trong năm năm qua (2011- 2015) Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tỉnh Bình Phước đã có nhiều biện pháp tăng cường thực hành quyền công tố trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đối với tội hiếp dâm trẻ em. Thông qua thực hành quyền công tố, Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tỉnh Bình Phước đã phối hợp với Cơ quan điều tra khởi tố điều tra đối với 80 vụ án và 91 bị can về tội hiếp dâm trẻ em [bảng 2.3]. Trong quá trình điều tra vụ án, Kiểm sát viên luôn bám sát tiến độ điều tra và diễn biến vụ án, bàn hướng xử lý kịp thời, đảm bảo xử lý án trong hạn luật định, hạn chế đến mức thấp nhất sai sót nghiêm trọng. Các vụ án hiếp dâm trẻ em đặc biệt nghiêm trọng, án phức tạp, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm đã được các cơ quan tiến hành tố tụng phối hợp chặt chẽ ngay từ giai đoạn khởi tố vụ án đến quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Vì vậy, chất lượng giải quyết các vụ án hiếp dâm trẻ em được nâng lên. Các vụ án truy tố đảm bảo đúng người, đúng tội, hạn chế đến mức thấp nhất việc để xảy ra oan, sai, lọt tội. Để thấy rõ hơn thực tiễn thực hành quyền công tố các vụ án hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước qua một số điểm sau:

2.2.1. Thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố trong việc khám nghiệm hiện trường

Theo tinh thần của Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2003 (Chương XIII) và Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015 (Chương XIV) quy định về công tác khám nghiệm hiện trường thì cơ quan điều tra mà trực tiếp là Điều tra viên có trách nhiệm tổ chức các cuộc khám nghiệm hiện trường và Viện kiểm sát, trực tiếp là Kiểm sát viên phải thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khám nghiệm hiện trường, đảm bảo cho việc khám nghiệm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Như vậy, mặc dù việc khám nghiệm do Cơ quan điều tra thực hiện, song Viện kiểm sát có vai trò rất quan trọng. Kết quả khám nghiệm có tốt hay không, có đúng pháp luật hay không đều trực tiếp liên quan đến trách nhiệm của cả Cơ quan điều tra và

Viện kiểm sát, chất lượng hồ sơ vụ án phụ thuộc rất lớn vào năng lực, trách nhiệm của cán bộ, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi khám nghiệm hiện trường.

Trong những năm qua, công tác khám nghiệm hiện trường đã có nhiều tiến bộ. Hầu hết các vụ án hiếp dâm trẻ em khi Cơ quan điều tra khám nghiệm hiện trường đều có Kiểm sát viên tham gia việc khám nghiệm. Các quy định về khám nghiệm hiện trường, về xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra, về lập biên bản khám nghiệm, về trưng cầu giám định đã được thực hiện tốt hơn trước. Kết quả các cuộc khám nghiệm hiện trường vụ án hiếp dâm trẻ em đã thực sự đóng vai trò quan trọng trong việc xác định phương hướng điều tra, giải quyết các vụ án. Hầu hết các vụ án hiếp dâm trẻ em đều là án truy xét, nhưng do thực hiện tốt việc khám nghiệm hiện trường đã góp phần quan trọng làm rõ các tình tiết của vụ án, phát hiện kẻ phạm tội. Nhiều trường hợp phạm tội, quá trình điều tra ban đầu bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, nhưng sau đó bị cáo kêu oan, đưa ra nhiều tình tiết mới như bị bức cung, mớm cung, nhằm phủ nhận lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra ban đầu. Nhưng qua xem xét lời khai của người bị hại, các nhân chứng, của các bị cáo khác, đặc biệt là căn cứ vào các vật chứng, biên bản hiện trường vụ án đã xác định việc kết tội bị cáo là chính xác. Đáng chú ý như vụ Thái Văn Thanh – Hiếp dâm trẻ em ở tổ 3, ấp 1, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, xảy ra ngày 05/6/2010, vụ án xảy ra vào khoảng 4 giờ sáng, cha mẹ cháu Đặng Thị Gia Mẫn đi làm, cháu Mẫn đang ngủ, bị cáo Thanh đã thực hiện hành vi hiếp dâm cháu Mẫn. Quá trình điều tra, bị cáo thay đổi lời khai liên tục, lúc khai nhận có thực hiện hành vi hiếp dâm cháu Mẫn, lúc khai không, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo một mực kêu oan, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Song, cơ quan điều tra đã làm khá tốt việc khám nghiệm hiện trường, kiểm tra đối chứng ngay lời khai chối tội của bị cáo khi bị cáo khai rằng việc có mặt tại phòng trọ của gia đình người bị hại là để đi vệ sinh do nhà vệ sinh của bị cáo bị hỏng. Theo lời khai này, do Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra ngay khi khám nghiệm hiện trường nhà vệ sinh của bị cáo không bị hỏng, lấy lời khai của chủ nhà trọ thể hiện không có việc này, ghi lời khai người bị hại, cho đối chất, nhận dạng giữa bị cáo và người bị hại... nên đã đối chiếu

ngay tại Tòa bác bỏ lời khai chối tội của bị cáo và đủ căn cứ để kết tội Thanh đã phạm tội hiếp dâm trẻ em. Vụ án này sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã khai nhận hành vi hiếp dâm trẻ em của mình.

Tuy nhiên, hoạt động thực hành quyền công tố trong việc khám nghiệm hiện trường của Kiểm sát viên còn bộc lộ những tồn tại, thiếu sót như: Thực tiễn sự tham gia hoạt động khám nghiệm hiện trường trong các vụ án hiếp dâm trẻ em của lãnh đạo không nhiều; KSV chưa thực hành quyền công tố chặt chẽ việc lập biên bản khám nghiệm hiện trường để xác định đúng hiện trường xảy ra vụ án hay chưa, biên bản có đảm bảo đúng thủ tục và thực hiện đầy đủ các nội dung được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự như việc khám nghiệm phải có người chứng kiến, phải chụp ảnh vẽ sơ đồ, thu thập các dấu vết, vật chứng... Việc bảo quản vật chứng cũng là vấn đề mà Kiểm sát viên chưa chú ý để yêu cầu Cơ quan điều tra phải thực hiện tốt, còn để xảy ra những sai sót... dẫn đến định hướng điều tra và đường lối giải quyết vụ án không đúng. Điển hình như vụ: Phạm Minh Trí và đồng phạm – phạm tội Hiếp dâm trẻ em xảy ra ngày 01/12/2012 tại ấp 4, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Sau khi khám phụ khoa cho bị hại, bác sĩ đã phát hiện và thu giữ tinh dịch của đối tượng nhưng Cơ quan điều tra đã không bảo quản đúng quy định và tiến hành giám định kịp thời, KSV cũng không thực hành quyền công tố chặt chẽ để yêu cầu Điều tra viên thực hiện việc thu giữ, bảo quản và giám định vật chứng theo đúng quy định pháp luật, nên sau đó không thể giám định được phục vụ cho công tác truy nguyên đối tượng phạm tội, gây không ít khó khăn cho việc đánh giá chứng cứ, điều tra làm rõ vụ án; hay vụ Thái Hoàng Trọng và 3 đồng phạm khác – phạm tội hiếp dâm trẻ em xảy ra ngày 11/6/2005 tại vườn điều thuộc ấp Tân Lập, xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Gần 4 tháng sau, trên cơ sở đơn tố cáo của gia đình bị hại, vụ án mới được phát hiện, điều tra giải quyết, lúc đầu các bị can đều khai nhận đã thực hiện hành vi hiếp dâm cháu Nhi như nội dung tố cáo. Tuy nhiên, khi tiến hành khám nghiệm hiện trường chỉ trên sự chỉ dẫn của bị can Nghĩa mà không cho bị hại Nhi cũng như các bị can khác tham gia nên dẫn đến việc khai khác

nhau về địa điểm xảy ra vụ án cũng như nhận định vườn điều có cỏ tranh, cỏ mỳ hay cỏ gai. KSV khi thực hành quyền công tố trong việc khám nghiệm hiện trường cũng qua loa nên không kịp thời phát hiện ra những sai sót này. Hậu quả là qua vụ án, công tác khám nghiệm hiện trường không làm rõ được một cách khách quan, toàn diện về hiện trường, dẫn đến những khó khăn lớn trong việc đánh giá chứng cứ cũng như trong việc xác định đường lối giải quyết vụ án. Khi vụ án được truy tố, xét xử, những thiếu sót này là cơ sở để bị can, luật sư bào chữa phản bác, báo chí chỉ trích; Mặc dù Kiểm sát viên đã cố gắng tranh luận để thuyết phục Hội đồng xét xử tuyên án đối với các bị cáo, nhưng sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo kháng cáo kêu oan, qua xét xử phúc thẩm vụ án phải huỷ để điều tra lại. Tuy nhiên, việc điều tra lại, trong đó có việc xem xét lại hiện trường gặp rất nhiều khó khăn, do hiện trường đã thay đổi, các bị cáo đã phản cung không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Do vậy, vụ án phải đình chỉ điều tra do không chứng minh được các bị can đã thực hiện hành vi phạm tội.

2.2.2. Thực tiễn hoạt động khởi tố vụ án hình sự và phê chuẩn quyết định khởi tố bị can

- Về thực hành quyền công tố đối với quyết định khởi tố vụ án hình sự:

Hoạt động thực hành quyền công tố đối với việc khởi tố các vụ án hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong những năm qua đã có nhiều chuyển biến tích cực. Trên cơ sở nắm và quản lý kịp thời việc phân loại, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của CQĐT, VKS đã có các biện pháp hạn chế việc khởi tố oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Công tác thực hành quyền công tố đối với việc khởi tố của VKS các cấp được chú trọng hơn nhằm bảo đảm quyết định khởi tố vụ án hiếp dâm trẻ em của CQĐT là có căn cứ và hợp pháp. Với việc ngày càng nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố đối với việc khởi tố nên đã dần dần hạn chế được các vi phạm pháp luật của CQĐT trong việc khởi tố. Theo số liệu thống kê trong 5 năm qua, Viện kiểm sát đã thực hành quyền công tố đối với việc khởi tố 80 vụ án hiếp dâm trẻ em. Đảm bảo hầu hết các vụ án hiếp dâm trẻ em đã khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

- Thực hành quyền công tố và Kiểm sát quyết định khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can phạm tội hiếp dâm trẻ em

Khi thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong khởi tố bị can tội hiếp dâm trẻ em, VKS tỉnh Bình Phước trong những năm qua đã kiểm sát chặt chẽ tính có căn cứ và tính hợp pháp quyết định khởi tố bị can của các CQĐT, bảo đảm các quyết định khởi tố bị can đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. VKS đã thường xuyên bám sát các hoạt động điều tra của CQĐT để thúc đẩy việc điều tra đồng thời phát hiện kịp thời các thiếu sót vi phạm trong quyết định khởi tố bị can từ đó đề ra các yêu cầu khắc phục, bổ sung ngay. Theo số liệu thống kê từ năm 2011 đến năm 2015 Viện kiểm sát nhân dân hai cấp của tỉnh Bình Phước đã kiểm sát 91 quyết định khởi tố bị can tội hiếp dâm trẻ em, đồng thời đã quyết định phê chuẩn các quyết định khởi tố bị can của CQĐT; yêu cầu CQĐT thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với 3 bị can và yêu cầu bổ sung quyết định khởi tố bị can hiếp dâm trẻ em đối với 5 trường hợp [bảng 2.2]. Những trường hợp yêu cầu thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can tội hiếp dâm trẻ em đều được CQĐT chấp nhận và là cơ sở để Tòa án xét xử, đảm bảo có căn cứ và đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bên cạnh đó còn bộc lộ một số hạn chế, tồn tại: KSV không làm tốt chức trách, nhiệm vụ của mình, chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án hiếp dâm trẻ em, năng lực, trình độ còn hạn chế, chất lượng đề xuất phê chuẩn quyết định khởi tố bị can chưa cao, còn dễ xảy ra trường hợp phê chuẩn không có căn cứ, hoặc chứng cứ yếu nhưng vẫn đề xuất phê chuẩn vì xuất phát từ quan điểm cho rằng cứ phê chuẩn khởi tố bị can sau đó sẽ củng cố chứng cứ sau hay phê chuẩn không đúng tội danh mà người phạm tội thực hiện, việc sai sót trong kết luận giám định dẫn đến việc khởi tố oan. Đặc biệt trong các vụ án phạm tội hiếp dâm trẻ em có đồng phạm, mỗi đồng phạm thực hiện với những vai trò khác nhau, vừa có người xúi giục, vừa có người thực hành, vừa có người giúp sức, có người vừa thực hành vừa xúi giục... Do KSV không nghiên cứu kỹ tài liệu chứng cứ, chưa tổng hợp, phân tích, đánh giá giữa lời khai của bị cáo với lời khai của người bị hại và người làm chứng, không kịp thời yêu cầu CQĐT làm rõ hành vi của từng đối tượng nên dẫn đến xác định sai tội mà

bị cáo đã phạm. Diễn hình như vụ Phạm Minh Trí và đồng phạm, phạm tội Hiếp dâm trẻ em xảy ra ngày 01/12/2012 tại đường liên thôn thuộc ấp 4, xã Minh Lập, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Quá trình điều tra vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng đã 2 lần thay đổi quyết định khởi tố bị can, ban đầu khởi tố về tội Không tố giác tội phạm, sau đó đổi sang tội Hiếp dâm trẻ em, sau đó lại đổi lại tội Không tố giác tội phạm. Sau khi xét xử sơ thẩm, vụ án đã bị cấp phúc thẩm hủy một phần bản án để điều tra, truy tố và xét xử lại đối với bị cáo Nguyễn H về tội Hiếp dâm trẻ em; hay vụ Thái Hoàng Trọng và đồng phạm, phạm tội Hiếp dâm trẻ em, quá trình điều tra ban đầu một số đối tượng đã phản cung nhưng Kiểm sát viên thụ lý vụ án đã nhận định (trong đề xuất) là do xuất phát từ tâm lý người phạm tội, do đối phó. Sau đó đề xuất lãnh đạo phê chuẩn khởi tố bị can mà không tham gia lấy lời khai để làm rõ hành vi phạm tội trước khi đề xuất lãnh đạo phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, nên dẫn đến sau khi phê chuẩn, quá trình điều tra không đủ căn cứ chứng minh được hành vi phạm tội của bị can.

Hoặc như trường hợp vụ Trương Thành Phụng, xảy ra ở xã Bù Nho, huyện Bù Gia Mập (nay là huyện Phú Riềng) tỉnh Bình Phước, các cơ quan tiến hành tố tụng căn cứ vào đơn tố cáo của người bị hại và kết luận giám định của Cục Điều tra (C54) Bộ Công an kết luận cháu N (con bị hại) với đối tượng Phụng có quan hệ huyết thống, CQĐT đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Trương Thành Phụng và được VKS phê chuẩn. Tuy nhiên, bị can Phụng một mực kêu oan cho rằng mình không có hành vi hiếp dâm trẻ em. Sau đó gia đình bị can Phụng đã lấy mẫu tóc của cháu N (con bị hại) đi giám định tại một cơ sở y tế tư nhân thì kết luận cháu N và bị can Phụng không có cùng huyết thống. Do có sự mâu thuẫn giữa hai kết luận giám định, CQĐT tiếp tục trưng cầu giám định AND đến Trung tâm giám định khác thì cho kết quả: cháu N và bị can Phụng không cùng huyết thống. Vì vậy, vụ án trên phải đình chỉ vì bị can không thực hiện hành vi phạm tội. Đây là một sai sót từ phía cơ quan giám định dẫn đến hậu quả vụ án phải đình chỉ.

Hay gần đây nhất một vụ án hiếp dâm trẻ em phải đình chỉ điều tra do hành vi của bị can không cấu thành tội phạm, nguyên nhân một phần phải xác định là

trách nhiệm của ĐTV khi thu thập tài liệu chưa đầy đủ, KSV kiểm sát không chặt chẽ, không kịp thời yêu cầu CQĐT bổ sung tài liệu trước khi phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, dẫn đến sau khi khởi tố bị can CQĐT tiến hành giám định tuổi của bị can và bị hại thì không đủ căn cứ để buộc tội và vụ án phải đình chỉ. Trong một số vụ án hiếp dâm trẻ em, việc xác định tuổi của người bị hại gặp nhiều khó khăn, các cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng nhiều biện pháp nhưng không xác định được chính xác tuổi của người bị hại để xác định người bị hại có phải là trẻ em hay không. Có trường hợp bị hại không có giấy khai sinh gốc, hoặc có giấy khai sinh nhưng ngày, tháng, năm sinh không chính xác hoặc giấy khai sinh chỉ ghi năm sinh. Có vụ án cha, mẹ của người bị hại nhớ nhầm ngày sinh của người bị hại (ngày âm lịch, dương lịch) nên đã gây khó khăn cho quá trình điều tra, đánh giá chứng cứ. Cũng có trường hợp lời khai của bố, mẹ bị hại và giấy tờ, lý lịch trong hồ sơ về ngày, tháng, năm sinh giống nhau nhưng cơ quan tiến hành tố tụng lại thu được những chứng cứ khác với tài liệu kể trên.

Có trường hợp không xác định được năm sinh của người bị hại, cơ quan tiến hành tố tụng đã làm các thủ tục để tiến hành giám định tuổi của họ nhưng kết quả giám định của các cơ quan chuyên môn lại khác nhau, thậm chí mâu thuẫn với tài liệu điều tra khác nên gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng, trong việc đánh giá, sử dụng tài liệu chứng cứ. Đó là vụ án Trần Văn Mến, phạm tội “Hiếp dâm trẻ em” và “Giao cấu với trẻ em”. Trên cơ sở tài liệu điều tra cho thấy có sự nghi ngờ về tuổi của bị can Mến và bị hại N, CQĐT đã tiến hành giám định tuổi. Kết quả: Tại thời điểm phạm tội bị hại trên 13 tuổi, bị can dưới 18 tuổi; việc bị can và bị hại giao cấu với nhau là tự nguyện, không có sự đe dọa, ép buộc. Do đó, hành vi của bị can Mến không đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm trẻ em” và “Giao cấu với trẻ em” như đã khởi tố và vụ án trên phải đình chỉ điều tra.

2.2.3. Thực trạng hoạt động áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn

Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát hai cấp đã phối hợp và có nhiều biện pháp nâng cao chất lượng bắt giữ nên việc bắt, tạm giữ chuyển khởi tố hình sự đạt tỷ lệ

cao. Trong 5 năm, Bình Phước có 90 người phạm tội hiếp dâm trẻ em bị bắt, tạm giữ hình sự. Các trường hợp trên đều được Viện kiểm sát phê chuẩn trước khi thi hành. Các trường hợp phê chuẩn các quyết định của cơ quan điều tra đều đảm bảo có căn cứ và tính hợp pháp theo đúng quy định pháp luật. Hạn chế đến mức thấp nhất việc ra các quyết định phê chuẩn, nhất là quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam sau đó phải trả tự do vì không đủ căn cứ để truy tố. Trường hợp bắt, tạm giữ, tạm giam nhưng không đủ căn cứ xử lý hình sự mà có vi phạm thì kiến nghị cơ quan chức năng xử lý hành chính, lưu quyết định xử lý vào hồ sơ kiểm sát. Đồng thời, có biện pháp quản lý, theo dõi chặt chẽ các trường hợp quá hạn tạm giam trong các giai đoạn tố tụng để kịp thời kiến nghị, yêu cầu khắc phục.

Qua tổng kết hoạt động của VKSND tỉnh Bình Phước cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác thực hành quyền công tố đối với việc bắt, tạm giữ vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, việc nghiên cứu hồ sơ, xem xét, phân loại, đánh giá chứng cứ trước khi phê chuẩn gia hạn tạm giữ còn chưa chặt chẽ. Có trường hợp chưa đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội nhưng VKS vẫn phê chuẩn hay phê chuẩn quyết định bắt khẩn cấp không có căn cứ theo quy định tại Điều 81 BLTTHS, sau đó phải trả tự do. Chẳng hạn như vụ Thái Hoàng Trọng và đồng phạm, phạm tội Hiếp dâm trẻ em là một điển hình vi phạm trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn: vụ án xảy ra ngày 11/6/2005, đến ngày 05/10/2005(sau 03 tháng 24 ngày) Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đốp mới tiến hành bắt khẩn cấp đối với Thái Hoàng Trọng, Nguyễn Hữu Nghĩa, Phạm Văn Quảng về hành vi hiếp dâm trẻ em. Theo qui định tại khoản 1 điều 81 Bộ luật tố tụng hình sự thì việc bắt này là không có căn cứ. Trong trường hợp này trên cơ sở lời khai của bị hại và các tài liệu khác, Cơ quan điều tra cần xác minh nếu có căn cứ thì tiến hành bắt tạm giam bị can theo qui định tại điều 80 Bộ luật tố tụng hình sự.

2.2.4. Thực trạng hoạt động đề ra các yêu cầu điều tra trong vụ án hiếp dâm trẻ em đối với Cơ quan điều tra

Hoạt động đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra là hoạt động có vị trí quan trọng của công tác THQCT của VKS. Nhận thức rõ điều đó,

trong những năm qua chất lượng và hiệu quả của bản yêu cầu điều tra trong vụ án hiếp dâm trẻ em từng bước được nâng lên, KSV sau khi được phân công kiểm sát điều tra vụ án hiếp dâm trẻ em đều đề ra yêu cầu điều tra. Các yêu cầu điều tra đã sát đúng với quy định của pháp luật, phản ánh đúng thực trạng những mâu thuẫn, vướng mắc về chứng cứ, tội danh đối với từng vụ án cụ thể và có căn cứ pháp luật. Chính vì vậy, trong những năm gần đây, số vụ án hiếp dâm trẻ em phải trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng ngày càng giảm, số bị can, bị cáo phải đình chỉ điều tra vì không phạm tội hoặc Tòa án tuyên không phạm tội có xu hướng giảm rõ rệt.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, việc đề ra yêu cầu điều tra trong một vài vụ án hiếp dâm trẻ em vẫn còn tồn tại, hạn chế như: Bản yêu cầu điều tra còn chung chung, dài dòng, lặp đi lặp lại, chưa chú trọng vào việc phân tích và đánh giá chứng cứ để tìm ra những vấn đề cần phải điều tra làm rõ, những vấn đề liên quan đến tố tụng cần khắc phục hoặc do chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ nên bản yêu cầu điều tra nêu những vấn đề mà Điều tra viên đã làm, thậm chí đưa ra yêu cầu mà Điều tra viên khó thực hiện hoặc không thực hiện được; yêu cầu điều tra chuẩn bị còn sơ sài, sử dụng thuật ngữ thiếu chính xác, chưa bám sát các quy định của BLTTHS và chưa theo mẫu do VKSND Tối cao ban hành... dẫn đến khi kết thúc điều tra vụ án hiếp dâm trẻ em lại phải hoàn trả hồ sơ vụ án để yêu cầu điều tra bổ sung, kéo dài thời gian tố tụng.

2.2.5. Thực trạng thực hành quyền công tố trong hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ, lập hồ sơ vụ án hiếp dâm trẻ em của Cơ quan điều tra

Thực tiễn điều tra, truy tố các vụ án hiếp dâm trẻ em, VKS làm tốt hoạt động thực hành quyền công tố đối với việc đối chất, nhận dạng đảm bảo tính có căn cứ và tính hợp pháp; thực hành quyền công tố đối với hoạt động trưng cầu giám định của CQĐT đảm bảo tính có căn cứ và tính hợp pháp trong hoạt động trưng cầu giám định; thông qua việc nghiên cứu hồ sơ vụ án hoặc trực tiếp cùng với ĐTV hỏi cung bị can đảm bảo 100% các buổi hỏi cung đều có biên bản theo đúng quy định, không để xảy ra tình trạng mớm cung, bức cung, nhục hình, thông cung làm sai lệch hồ sơ

vụ án; làm rất tốt hoạt động thực hành quyền công tố đối với việc lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đảm bảo tính khách quan, có căn cứ và tính hợp pháp; đã kiểm sát việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng tương đối tốt hạn chế đến mức thấp nhất việc xác định sai tư cách người tham gia tố tụng dẫn đến việc trả hồ sơ hoặc bị huỷ án góp phần đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng; Đã thực hành quyền công tố đối với việc thu giữ, tạm giữ vật chứng, kê biên tài sản tương đối tốt bảo đảm tính có căn cứ và tính hợp pháp không có vụ án nào bị Tòa án hủy do vi phạm thủ tục này, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân được đảm bảo.

Thực hành quyền công tố đối với lập hồ sơ vụ án hiệp dân trẻ em của CQĐT: Hồ sơ vụ án hiệp dân trẻ em là tập hợp có hệ thống những văn bản tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án theo trình tự tố tụng hình sự, nhằm chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội; là cơ sở đề xuất xử lý người phạm tội đúng pháp luật và phục vụ công tác phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, qua thực hành quyền công tố đối với hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ, lập hồ sơ vụ án hiệp dân trẻ em của Cơ quan điều tra vẫn còn một số tồn tại như: trong giai đoạn điều tra CQĐT không kịp thời tổ chức đối chất khi có mâu thuẫn giữa lời khai của những người tham gia tố tụng và KSV cũng không yêu cầu đối chất; có những vụ án khi tổ chức nhận dạng đã không mời người chứng kiến, biên bản lập không theo đúng các quy định của BLTTHS; việc CQĐT trưng cầu giám định chung chung, sơ sài đã dẫn đến nội dung kết luận giám định chưa rõ ràng, phải giám định lại nhiều lần, kết quả mỗi lần giám định lại khác nhau, nhất là vị trí vết rách của màng trinh, việc kết luận có xung huyết hay không xung huyết... điều này gây không ít khó khăn cho việc đánh giá chứng cứ và giải quyết vụ án, gây tranh cãi và sự nghi ngờ về kết luận giám định giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Thậm chí có trường hợp kết quả giám định sai, điển hình như vụ Trương Thành Phụng kết luận giám định bị can và con bị hại cùng huyết thống. Do có nghi ngờ về kết quả giám định nên gia đình bị can đã tự đưa bị can và con bị hại đi giám định,

kết quả giữa hai người không cùng huyết thống và gửi kết quả giám định đến Cơ quan tố tụng. Sau đó, cơ quan tiến hành tố tụng huyện Bù Gia Mập trung cầu giám định lại, kết quả thể hiện giữa bị can và con bị hại là không cùng huyết thống, vụ án phải đình chỉ điều tra do không phạm tội.

Những vi phạm của ĐTV trong việc lập biên bản hỏi cung bị can, bị cáo phạm tội hiếp dâm trẻ em là người chưa thành niên nhưng không có Luật sư tham gia để đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 57 BLTTHS và đảm bảo tính khách quan của việc ghi lời khai. Sau đó, bị can, bị cáo phản cung và cho rằng do bị ép cung, mớm cung, bị cán bộ điều tra dùng nhục hình nên mới khai nhận và các bản khai có Luật sư tham gia thì bị can, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội; hoặc xảy ra những thiếu sót, hạn chế của ĐTV trong việc phát hiện và làm rõ những mâu thuẫn trong lời khai của bị can, bị cáo. KSV không nghiên cứu kỹ, kiểm sát chặt chẽ nên không kịp thời phát hiện và yêu cầu ĐTV làm rõ những mâu thuẫn trong giai đoạn bị can nhận tội. Đến khi bị can chối tội thì những mâu thuẫn đó trong lời khai của bị can chưa được làm rõ... Những vi phạm, thiếu sót này ảnh hưởng không nhỏ đến việc đánh giá chứng cứ và kết luận hành vi phạm tội của bị can, bị cáo, nên nhiều trường hợp vụ án dẫn đến phải đình chỉ do hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can thực hiện hành vi phạm tội, điển hình như vụ Nguyễn Toàn Thắng phạm tội Hiếp dâm trẻ em, vụ Thái Hoàng Trọng và đồng phạm phạm tội Hiếp dâm trẻ em.

Việc ghi lời khai của bị hại trong các vụ án Hiếp dâm trẻ em: thì tất cả các vụ án này khi tiến hành lấy lời khai, cho viết bản tự khai hay tiến hành các hoạt động tố tụng khác đều phải có người giám hộ tham gia, việc ĐTV không mời người giám hộ tham gia, đưa người giám hộ không đảm bảo theo quy định hoặc thậm chí có trường hợp sau đó đưa người giám hộ ký khống vào biên bản trong khi họ không tham gia giám hộ việc ghi lời khai... là một vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, các tài liệu này không thể sử dụng làm chứng cứ có giá trị chứng minh.

Ngoài ra, quá trình điều tra thu thập chứng cứ của ĐTV còn những tồn tại về lập biên bản chồng nhau về ngày giờ lập, không ghi thời gian thực hiện, thành phần

tham gia không đầy đủ, chưa gạch chéo những phần bỏ trống trong biên bản... khi kiểm sát hồ sơ vụ án, KSV không nghiên cứu kỹ để phát hiện yêu cầu bổ sung, sửa chữa kịp thời.

2.2.6. Thực trạng trả hồ sơ để điều tra bổ sung các vụ án hiếp dâm trẻ em giữa các cơ quan tiến hành tố tụng

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung là biện pháp tố tụng do VKS hoặc Tòa án áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án, nhằm đảm bảo việc điều tra, thu thập chứng cứ, lập hồ sơ vụ án được đầy đủ, khách quan toàn diện. Trong những năm qua, VKSND tỉnh Bình Phước đã thực hiện nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với vụ án hiếp dâm trẻ em, hạn chế đến mức thấp nhất việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, tỷ lệ án trả hồ sơ án hiếp dâm trẻ em để điều tra bổ sung đã giảm dần qua từng năm và có sự chuyển biến tích cực góp phần nâng cao chất lượng công tác THQCT các vụ án hiếp dâm trẻ em (năm 2011 các cơ quan tố tụng trả hồ sơ là 2 vụ, năm 2013 trả 2 vụ được chấp nhận, năm 2013 trả 1 vụ yêu cầu giám định tuổi của người bị hại nhưng không được chấp nhận vì không có căn cứ, năm 2014 và 2015 không có trường hợp nào trả hồ sơ điều tra bổ sung) [bảng 2.3].

Tuy nhiên, việc trả hồ sơ vụ án hiếp dâm trẻ em để điều tra bổ sung giữa các CQTHTT còn có một số tồn tại, hạn chế: Việc trả hồ sơ vì lý do chứng cứ, do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng... Chất lượng công tác THQCT của một số đơn vị còn nhiều hạn chế, các KSV không tiến hành thực hành quyền công tố đối với vụ án từ đầu, không đề ra yêu cầu điều tra hoặc có đề ra yêu cầu điều tra nhưng không sát vụ án, không bám sát tiến độ, kết quả điều tra, không thực sự tăng cường công tố trong hoạt động điều tra nên không phát hiện thiếu những chứng cứ quan trọng để kịp thời khắc phục, dẫn đến việc trả hồ sơ; một thực trạng nữa trong việc trả hồ sơ là khi nghiên cứu tài liệu vẫn chưa toàn diện, chưa đánh giá hết những chứng cứ nào còn thiếu cần bổ sung, khắc phục hay điều tra làm rõ nên dẫn đến có những vụ án trả hồ sơ nhiều lần, mỗi lần trả một nội dung khác nhau làm cho việc điều tra vụ án kéo dài, ảnh hưởng đến chất lượng điều tra vụ án hiếp dâm trẻ em.

2.2.7. Thực trạng thực hành quyền công tố đối với hoạt động tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án hiếp dâm trẻ em

Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tỉnh Bình Phước tăng cường các biện pháp quản lý các trường hợp đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án hiếp dâm trẻ em, nhất là các trường hợp đình chỉ điều tra do bị can không phạm tội hoặc hết thời hạn điều tra nhưng không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm. Trong 5 năm, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát hai cấp đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án hiếp dâm trẻ em đối với 5 trường hợp do bị can không phạm tội (đây là các trường hợp khởi tố nhưng quá trình điều tra xác định được bị can không thực hiện hành vi phạm tội, đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm hoặc bị can đã chết). Thông qua các vụ án hiếp dâm trẻ em đình chỉ không tội, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã tổ chức rút kinh nghiệm đối với các Kiểm sát viên làm công tác giải quyết án hình sự trong hai cấp tỉnh Bình Phước và chỉ ra rằng một trong những nguyên nhân của tình trạng đình chỉ điều tra do bị can không phạm tội chủ yếu là do áp lực của công việc và của dư luận xã hội; bên cạnh đó năng lực, trình độ, ý thức trách nhiệm của một số Kiểm sát viên còn yếu. Lãnh đạo Viện kiểm sát tỉnh đã chỉ đạo các phòng nghiệp vụ và Viện kiểm sát các huyện, thị xã cần tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra trong các vụ án hiếp dâm trẻ em.

Việc tạm đình chỉ điều tra vụ án hiếp dâm trẻ em cũng được Viện KSND tỉnh Bình Phước quan tâm, nghiêm túc thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật và quy chế của ngành. Công tác phối hợp giữa VKSND và CQĐT trong việc giải quyết các trường hợp tạm đình chỉ từng bước được quan tâm chú trọng, đặc biệt đối với các trường hợp xem xét tính thời hiệu, đảm bảo tính có căn cứ đối với các hồ sơ tạm đình chỉ điều tra.

Tuy nhiên trên thực tế, công tác tạm đình chỉ điều tra, kiểm sát tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can phạm tội hiếp dâm trẻ em còn bộc lộ những thiếu sót, hạn chế như sau: Hồ sơ kiểm sát các vụ án tạm đình chỉ điều tra được thiết lập rất sơ sài, Cơ quan điều tra cũng không có các biện pháp nghiệp vụ để tiếp tục điều tra, giải quyết.

Viện kiểm sát rất ít tác động đến Cơ quan điều tra ở lĩnh vực này, do vậy hồ sơ các vụ án này gần như bị bỏ quên, tạm đình chỉ điều tra vĩnh viễn. Tình trạng này dẫn đến việc vụ án tạm đình chỉ không có khả năng giải quyết dứt điểm, gây dư luận xấu và làm ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng.

2.2.8. Thực trạng thực hành quyền công tố trong xét xử sơ thẩm vụ án Hiếp dâm trẻ em

Thực tiễn giải quyết án hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong 5 năm qua cho thấy, các vụ án đều được đưa ra xét xử (theo kết quả thống kê đã thực hành quyền công tố đối với 73 vụ án hiếp dâm trẻ em theo thủ tục sơ thẩm) [bảng 2.5]. Trước khi kết thúc điều tra các KSV đều báo cáo kết thúc điều tra để đảm bảo hạn chế tình trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung. Thông qua các vụ án đã xét xử cho thấy chất lượng thực hành quyền công tố tại các phiên tòa hình sự đã được nâng cao, kỹ năng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa tốt, không có trường hợp nào Viện kiểm sát truy tố mà Tòa án tuyên không phạm tội, không có vụ án nào Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy toàn bộ Bản án, có một vụ hủy một phần Bản án để điều tra lại với một bị cáo trong vụ án có đồng phạm tội danh hiếp dâm trẻ em. Nhiều vụ án hiếp dâm trẻ em đặc biệt nghiêm trọng đã được Viện KSND phối hợp với CQĐT và Tòa án để khẩn trương điều tra, truy tố và đưa ra xét xử công khai, nghiêm minh; các hình phạt áp dụng đối với người phạm tội nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi mà các bị cáo thực hiện, được dư luận nhân dân đồng tình như: Vụ Vũ Văn Thành (trú tại thôn Bình Đức I, xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước) phạm các tội “Hiếp dâm trẻ em” và “Dâm ô đối với trẻ em”. Thành là người vô gia cư, đến thôn Bình Đức làm thuê và được gia đình anh Nguyễn Văn Tước cho ở nhờ được 2 ngày. Do xuất phát từ việc gia đình thiếu quan tâm trong việc quản lý, chăm sóc các em trong cuộc sống hàng ngày; trong khi đó, các trẻ em gái bị bệnh tâm thần là những đối tượng non nớt về kinh nghiệm sống và thiếu khả năng tự bảo vệ mình trước các cám dỗ của xã hội, rất dễ trở thành đối tượng bị xâm hại tình dục, bị cáo đã hiếp dâm đối với hai cháu con anh Tước và nhiều lần thực hiện hành vi dâm ô, cả hai nạn nhân đều còn rất nhỏ

tuổi và bị bệnh tâm thần, hành vi này không những đã làm tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần và sự phát triển của trẻ em mà còn thể hiện sự mất nhân tính, suy đồi đạo đức, vong ơn bội nghĩa của bị cáo, bị dư luận xã hội lên án gay gắt, cần phải bị trừng trị nghiêm minh và mức án 24 năm đối với bị cáo là sự trừng phạt thích đáng. Hay như vụ án Trịnh Duy Nam, phạm tội “Hiếp dâm trẻ em” áp 3, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Bị cáo thực hiện hành vi hiếp dâm cháu Đỗ Thị Yên Nhi khi cháu Nhi mới được 3 tuổi 3 tháng.

Tuy nhiên công tác này làm vẫn chưa thực sự tốt thể hiện qua phân phân tích số liệu án trả hồ sơ ở phần trên, việc đề xuất mức án còn thấp, Tòa án xét xử đôi lúc còn chưa nghiêm nhưng đã không kịp thời báo cáo để kháng nghị đề nghị cấp Phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo hoặc vì tính chất nhân đạo và giáo dục khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là người chưa thành niên nên sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi hiếp dâm trẻ em. Điển hình như vụ án Nguyễn Đình Trường Sa, phạm tội “Hiếp dâm trẻ em”, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 16 tuổi nên bị Tòa án xét xử mức án 6 năm tù. Sau khi chấp hành xong bản án không lâu bị cáo tiếp tục phạm tội hiếp dâm trẻ em, vụ án trên đang được CQĐT điều tra làm rõ.

Ngoài ra, quy định của BLHS về phần Các tội phạm cụ thể còn chưa phù hợp, dẫn đến khi các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng Điều 47 BLHS sẽ gặp nhiều vướng mắc, khó khăn nhưng vẫn chưa có hướng dẫn nào để tháo gỡ. Ví dụ: theo quy định tại Điều 112 BLHS thì khung hình phạt liền kề của khoản 4 là khoản 3, khung liền kề của khoản 3 là khoản 2, khung liền kề của khoản 2 là khoản 1. Song theo quy định tại Điều 112 thì khung hình phạt quy định tại khoản 4 của điều luật, mức hình phạt khởi điểm lại thấp hơn mức hình phạt khởi điểm quy định tại khoản 3. Vì vậy, trong trường hợp bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xứng đáng được áp dụng các quy định của Điều 47 thì việc xác định mức án trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn là rất khó khăn. Trong thực tiễn THQCT trong giai đoạn xét xử tại Tòa án, việc xác định khung hình phạt để xử lý và quyết định hình phạt đối với người

phạm tội "Hiếp dâm trẻ em" theo qui định tại Điều 112 BLHS vẫn còn nhiều vướng mắc bất cập, cụ thể:

Đối với trường hợp hành vi phạm tội đều có đủ dấu hiệu xác định khung hình phạt từ khoản 1 đến khoản 4 Điều 112 BLHS thì việc xác định khung hình phạt nào để xử lý hành vi tội phạm này? Áp dụng Khoản 3 Điều 112 BLHS hay áp dụng khoản 4 Điều 112 BLHS. Theo qui định tại khoản 3 Điều 112 BLHS thì có khung hình phạt nặng hơn. Nhưng xét về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội thì hành vi giao cấu với trẻ em dưới 13 tuổi qui định tại khoản 4 Điều 112 BLHS là cao nhất và bị xã hội lên án gay gắt hơn. Thực tiễn, các cơ quan tiến hành tố tụng ở Bình Phước thường áp dụng khoản 4 Điều 112 BLHS để xử lý. Đối với các tội "Hiếp dâm", tội "Hiếp dâm trẻ em" và tội "Giao cấu với trẻ em" (Điều 111, 112 và 115 BLHS), có ý kiến cho rằng: Quy định của Điều luật cũng gây tranh cãi về chủ thể thực hiện hành vi phạm tội, có quan điểm cho rằng chủ thể có thể là nữ giới, nên cần có hướng dẫn để áp dụng thống nhất.

2.2.9. Thực trạng Viện kiểm sát kiến nghị yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục các vi phạm trong hoạt động điều tra vụ án hiếp dâm trẻ em

Nhận thức rõ mục đích, yêu cầu của công tác thực hành quyền công tố không chỉ nhằm đảm bảo việc truy tố tội phạm và người phạm tội có căn cứ và hợp pháp, mà còn bảo đảm việc điều tra của Cơ quan điều tra được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, Viện kiểm sát đã chú trọng việc tổng hợp những vi phạm để ban hành kiến nghị, yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục vi phạm.

Tuy nhiên thông qua hoạt động THQCT trong vụ án hiếp dâm trẻ em có những KSV trong khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ đã không kịp thời phát hiện ra những vi phạm hoặc tuy có phát hiện ra những vi phạm của CQĐT nhưng do năng lực đã không kiên quyết báo cáo lãnh đạo VKS quản lý mình để kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm dẫn đến vụ án bị Tòa án hoàn trả hồ sơ, hoặc khi báo cáo lãnh đạo VKS phát hiện yêu cầu phải có văn bản kiến nghị.

2.3. Đánh giá thực tiễn thực hành quyền công tố trong vụ án hiếp dâm trẻ em tại tỉnh Bình Phước

Nhìn chung, công tác thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước trong những năm qua đã có nhiều tiến bộ. Viện kiểm sát đã chủ động phối hợp với các cơ quan tư pháp tỉnh Bình Phước giải quyết nhiều vụ án lớn, án trọng điểm, phức tạp, nhất là những vụ án hiếp dâm trẻ em có nhiều đồng phạm thực hiện, những vụ án người bị hại là những trẻ em nữ còn rất nhỏ tuổi được dư luận xã hội đồng tình ủng hộ; chất lượng bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, truy tố được nâng cao hơn trước; tiến độ giải quyết án được đẩy nhanh... Tuy nhiên, so với chức năng, nhiệm vụ được giao, công tác thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát còn những tồn tại, hạn chế như sau:

- Việc nắm thông tin, quản lý, xử lý tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố còn nhiều hạn chế dẫn đến còn để lọt tội phạm trong giai đoạn điều tra, khởi tố không đúng tội danh mà bị can đã thực hiện (trường hợp ban đầu khởi tố về tội hiếp dâm trẻ em nhưng sau đó qua điều tra, xác minh thì người bị hại trên 16 tuổi nên phải chuyển sang tội hiếp dâm)

- Hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát chưa gắn kết chặt chẽ với Cơ quan điều tra cho nên không kịp thời phát hiện những thiếu sót để khắc phục và đề ra yêu cầu điều tra kịp thời, khi kết thúc điều tra VKS phải trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung nhiều (trong 5 năm Viện kiểm sát trả Cơ quan điều tra 6 vụ, chiếm tỷ lệ 4,9%) [bảng 2.4].

- + Kiểm sát viên không theo sát tiến độ điều tra, không gắn thực hành quyền công tố chặt chẽ với các hoạt động điều tra của Điều tra viên. Vì vậy, một số vụ án cơ quan điều tra chưa làm hết trách nhiệm, hoạt động hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng sơ sài, đấu tranh, khai thác chưa triệt để; hoạt động khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, kê biên, định giá tài sản, vật chứng... của cơ quan điều tra còn thiếu thận trọng, tỉ mỉ; việc thu thập tài liệu xác định tuổi của bị hại là trẻ em do còn nhiều nhận thức khác nhau nên gặp không ít những khó khăn trong việc xác định tuổi. Thực tiễn cho thấy việc xác định tuổi của bị hại trong các vụ án

hiếp dân trẻ em là một vấn đề khó khăn đối với cơ quan tiến hành tố tụng, bởi đối với trẻ em việc xác định tuổi chủ yếu dựa trên giấy chứng sinh, giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, học bạ... Có trường hợp một bị hại có đến 2 hoặc 3 giấy khai sinh gốc nhưng lại khác ngày, tháng, năm sinh, hoặc có 1 giấy khai sinh nhưng chỉ ghi năm sinh. Cũng có trường hợp lời khai của bố, mẹ bị hại và giấy tờ, lý lịch trong hồ sơ về ngày, tháng, năm sinh là giống nhau nhưng cơ quan tiến hành tố tụng lại thu được những chứng cứ chứng minh khác với tài liệu kể trên. Hoặc trường hợp không xác định được năm sinh của bị hại thì phải tiến hành giám định tuổi của họ. Nhưng kết quả giám định lại mâu thuẫn với tài liệu điều tra khác nên ít nhiều gặp khó khăn trong việc đánh giá, sử dụng tài liệu chứng cứ.

+ KSV và ĐTV chưa chủ động phối hợp, thường xuyên trao đổi thông tin, kiểm tra chặt chẽ thủ tục tố tụng, rà soát, nghiên cứu, đánh giá chứng cứ ngay từ ban đầu và trong suốt quá trình điều tra cho nên không kịp thời phát hiện những thiếu sót để khắc phục và đề ra yêu cầu điều tra kịp thời. Một trong những vi phạm thường gặp của Điều tra viên trong việc điều tra các vụ án hiếp dân trẻ em là: Thực hiện không đúng việc tham gia tố tụng của người bào chữa theo quy định tại Khoản 2 Điều 57, Điều 58 và Điều 305 BLTTHS, đưa người bào chữa tham gia chậm, có những trường hợp ban đầu đối tượng phạm tội khai nhận hành vi phạm tội nhưng chưa có người bào chữa tham gia, đến khi có người bào chữa thì đối tượng phạm tội lại phản cung không thừa nhận hành vi phạm tội; khi lấy lời khai của người bị hại không có người giám hộ, đưa người giám hộ không đảm bảo theo quy định Điều 15 Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 12/7/2011 dẫn đến biên bản ghi lời khai của Điều tra viên vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không được sử dụng làm chứng cứ.

- Vẫn còn để xảy ra nhiều trường hợp Viện kiểm sát phê chuẩn lệnh bắt giữ, khởi tố bị can để điều tra không đúng, oan, sai (trong đó có cả trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng), sau phải đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án vì bị can không phạm tội, không chứng minh được hành vi phạm tội, thể hiện công tác thực hành quyền công tố chưa đạt hiệu quả, chất lượng chưa cao, chưa bám sát chặt chẽ

quá trình điều tra; do không thực hành quyền công tố ngay từ đầu nên công tác thực hành quyền công tố trở nên thụ động, phụ thuộc vào kết quả điều tra của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không kịp thời phát hiện ra những vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra cũng như không kiểm sát được quá trình điều tra, để xảy ra những trường hợp truy tố không có căn cứ; hoặc do một số Kiểm sát viên còn chủ quan duy ý chí, chỉ quan tâm đến các hoạt động chính, chứng cứ buộc tội, thỏa mãn với lời khai của bị can, chưa chú ý đến chứng cứ gỡ tội, chưa làm rõ những mâu thuẫn trong lời khai, so sánh với các nguồn chứng cứ khác nên khi bị can phản cung thì không đủ chứng cứ để buộc tội; vẫn còn xảy ra tình trạng cáo trạng chỉ là bản sao chép kết luận điều tra của cơ quan điều tra một cách thụ động. Việc để xảy ra án đình chỉ điều tra do hết thời hạn điều tra không chứng minh được bị can thực hiện hành vi phạm tội còn gây ra nhiều hậu quả đáng tiếc, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Chẳng hạn như vụ án Nguyễn Toàn Thắng, phạm tội “Hiếp dâm trẻ em” xảy ra ngày 15/5/2011, tại ấp 1, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, bị hại trong vụ án còn rất nhỏ (mới 4 tuổi). Quá trình điều tra do có những thiếu sót, ghi lời khai hời hợt, không đấu tranh làm rõ những mâu thuẫn giữa bị can và người bị hại nên khi bị can phản cung thì không có chứng cứ nào vững chắc buộc tội nên phải đình chỉ điều tra đối với bị can do hết thời hạn điều tra nhưng không chứng minh được hành vi phạm tội theo điểm b, khoản 2 Điều 164 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hậu quả đáng tiếc trong vụ án này là tại thời điểm bắt, Thắng đang học lớp 12 nên phải nghỉ học, dang dở việc học hành và ảnh hưởng đến cả tương lai sau này.

- Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra còn yếu, còn để xảy ra nhiều thiếu sót, vi phạm, dẫn đến việc Tòa án trả lại 5 trường hợp để điều tra bổ sung, chiếm tỷ lệ 5,5%.

Mối quan hệ giữa các cơ quan điều tra – Viện kiểm sát và Tòa án còn thiếu sự phối hợp và tạo điều kiện cho nhau trong giải quyết vụ án hiếp dâm trẻ em nhằm đảm bảo cho việc điều tra, truy tố và xét xử vụ án được nhanh chóng, kịp thời và đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, không làm oan người ngay và

không để lọt người phạm tội. Trong quan hệ với Cơ quan điều tra còn biểu hiện của tư tưởng hoặc ngại va chạm, xuôi chiều nên không sâu sát, không kịp thời phát hiện các vi phạm pháp luật của Cơ quan điều tra hoặc tuyệt đối hóa quan hệ phối hợp mà buông xuôi trách nhiệm, ỷ lại vào chỉ đạo của liên ngành. Do vậy, công tác phát hiện và kiến nghị đối với các vi phạm pháp luật của Cơ quan điều tra chưa được thường xuyên; một số vụ án cơ quan điều tra tiến hành các hoạt động điều tra nhưng không thông báo để Kiểm sát viên biết thực hiện việc kiểm sát. Mặt khác, Kiểm sát viên không chủ động nắm tiến độ điều tra vụ án nên dẫn đến việc giải quyết vụ án kéo dài, có khi bỏ lọt tội phạm.

Những tồn tại trong công tác thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát do nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan chính sau đây:

- Nhiều Kiểm sát viên chưa nhận thức được đầy đủ, dẫn đến vị trí, vai trò, thẩm quyền của Viện kiểm sát trong hoạt động tố tụng hình sự nói chung và hoạt động thực hành quyền công tố trong vụ án hiếp dâm trẻ em nói riêng.

- Một số Kiểm sát viên tinh thần trách nhiệm còn chưa cao, thiếu chủ động trong hoạt động thực hành quyền công tố, không bám sát quá trình điều tra vụ án, nghiên cứu án không sâu nên không nắm vững các tình tiết của vụ án.

- Trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của Kiểm sát viên còn hạn chế; nhiều Kiểm sát viên chưa nắm vững các quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự dẫn đến lúng túng trong việc áp dụng pháp luật, thậm chí áp dụng sai, hậu quả xấu. Chẳng hạn như trường hợp xác định đồng phạm trong vụ án hiếp dâm trẻ em nhiều người cùng thực hiện với nhiều vai trò khác nhau vừa có người tổ chức, vừa có người thực hành và vừa có người giúp sức. Do có nhiều thiếu sót trong quá trình thực hành quyền công tố đối với hoạt động điều tra, phân tích, tổng hợp, đánh giá chứng cứ nên còn lúng túng trong việc xác định tội danh mà bị can thực hiện là đồng phạm với vai trò giúp sức về tội “Hiếp dâm trẻ em” hay phạm tội “Không tố giác tội phạm”, dẫn đến thay đổi tội danh đối với bị can nhiều lần, ảnh hưởng đến việc điều tra, giải quyết vụ án.

- Một số Kiểm sát viên thiếu bản lĩnh, bị kẻ xấu lợi dụng, mua chuộc, làm tha hóa, biến chất.

- Việc quản lý, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp còn bất cập; việc kiểm tra, giám sát của Lãnh đạo đối với cán bộ, Kiểm sát viên chưa tốt, còn du di, nể nang nhau nên nhiều vi phạm, thiếu sót của Kiểm sát viên không được phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục kịp thời.

- Điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật của Viện kiểm sát các cấp nhìn chung còn yếu và thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu nhanh, nhạy, chính xác, kịp thời của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Hệ thống pháp luật thực hành quyền công tố mặc dù tương đối đầy đủ nhưng còn nhiều vấn đề bất cập, chưa hoàn thiện. Đây là nguyên nhân khách quan nhưng rất cơ bản, đòi hỏi phải được khắc phục kịp thời, nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng hoạt động hiệu quả trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Kết luận chương 2

Trong chương 2, tác giả sử dụng các phương pháp tổng hợp, phân tích, thống kê, so sánh để làm rõ thực tiễn công tác THQCT trong các vụ án hiếp dâm trẻ em của VKSND tỉnh Bình Phước trong 5 năm (2011 - 2015) có thể thấy được những kết quả đạt được trong lĩnh vực hoạt động này đã có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả đáng khích lệ trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần bảo vệ an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo vệ lợi ích Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và cá nhân.

Tuy nhiên, trước yêu cầu của cải cách tư pháp, hoạt động THQCT trong các vụ án hiếp dâm trẻ em những năm qua còn có những hạn chế, tồn tại, chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Những hạn chế, tồn tại đó do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng chủ yếu là do pháp luật thực định (đặc biệt là pháp luật hình sự và tố tụng hình sự) còn nhiều bất cập, cơ cấu tổ chức, năng lực trình độ của một bộ phận cán bộ, Kiểm sát viên còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu; công tác quản lý, chỉ đạo điều hành mặc dù đã có chuyển biến, đổi mới, tuy nhiên chưa mang lại hiệu quả thiết thực. Thực tiễn trên cho thấy, cần phải

có những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả cho công tác THQCT trong các vụ án hiếp dâm trẻ em của VKSND tỉnh Bình Phước, sẽ được trình bày tại chương 3.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG VỤ ÁN HIẾP DÂM TRẺ EM

3.1. Giải pháp hoàn thiện tổ chức

Các văn kiện của Đảng, trong đó có Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị đã nêu rõ việc đổi mới công tác tổ chức và cán bộ là một trong những biện pháp đặc biệt quan trọng để VKS có thể làm tốt chức năng công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra chủ trương “Nghiên cứu thực hiện thi tuyển để chọn người bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp”. Yêu cầu của cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế đòi hỏi phải nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát các hoạt động tư pháp. Trước sự phát triển trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội, cùng với diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm và thực tế trình độ, năng lực của các KSV thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong vụ án hiếp dâm trẻ em vẫn còn để xảy ra các vụ án oan, sai, vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự. Do vậy, cần phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa công tác tổ chức cán bộ với các nội dung sau:

- Xây dựng hoàn chỉnh quy chế thi tuyển các chức danh lãnh đạo, KSV của VKSND, từ đó mới đảm bảo tính minh bạch, dân chủ và công bằng trong việc bổ nhiệm chức danh KSV và lựa chọn được những người có trình độ, năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt. Trước mắt cần tuyển chọn người vào Ngành thông qua việc sơ tuyển các học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông cả về hình thức, khả năng hùng biện, trình độ học vấn để tham gia thi tuyển vào Trường Đại học kiểm sát. Hàng năm, cán bộ tổ chức ở các VKSND địa phương phải chủ động tích cực phối hợp với các Trường Đại học luật, các trường đại học khác để phổ biến, tuyên truyền về hoạt động của ngành Kiểm sát nhằm thu hút các sinh viên tốt nghiệp cử nhân luật hoặc tốt nghiệp cử nhân có liên quan việc thực hiện nhiệm vụ của Ngành có nhu cầu làm việc trong Ngành. Sau đó, tổ chức thi tuyển phải nghiêm túc, theo đúng quy định của pháp luật.

- Từ nay đến năm 2020, VKSND Tối cao cần có chủ trương, xây dựng đề án báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp tục tăng biên chế cho ngành Kiểm sát tăng lên 16000 người. Bổ sung chỉ tiêu biên chế cán bộ, KSV cho: Phòng Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự về trật tự xã hội, án An ninh và án Ma túy ở VKSND tỉnh từ 10 người tăng lên 14 người mới đảm đương, thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Số lượng, chất lượng cán bộ, KSV công tác tại các đơn vị này phải đủ mới có điều kiện nghiên cứu hồ sơ, tham gia trực tiếp một số hoạt động điều tra, kiểm sát trực tiếp, thường xuyên tiến độ điều tra, thực hành quyền công tố tại phiên tòa, kịp thời phát hiện những vi phạm trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử để kiến nghị CQĐT, TA khắc phục và đề ra yêu cầu điều tra đảm bảo thu thập đầy đủ chứng cứ chứng minh tội phạm, bảo vệ quan điểm truy tố tại phiên tòa.

- Quan tâm công tác quy hoạch cán bộ nhằm tạo nguồn lực cho việc thực hiện nhiệm vụ trước mắt cũng như về lâu dài, đảm bảo tính liên tục và kế thừa, khắc phục tình trạng thiếu hụt. Vì vậy, phải hết sức coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng theo quy hoạch, trước hết là lực lượng cán bộ, KSV trẻ. Công tác quy hoạch cán bộ phải được thực hiện một cách khách quan, toàn diện; chú trọng cả phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tiễn. Ngành Kiểm sát nhân dân cần rà soát, bổ sung, xây dựng Quy chế công tác thực hành quyền công tố để hướng dẫn quy trình phối hợp và quản lý án hình sự, khắc phục tình trạng Kiểm sát viên lúng túng khi thực hiện các hoạt động kiểm sát, khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý nghiệp vụ và lề lối làm việc tùy tiện, quy định rõ trách nhiệm quyền hạn cho Kiểm sát viên và lãnh đạo ở từng cấp kiểm sát nhằm nâng cao trách nhiệm, ý thức kỷ luật nghiệp vụ. Để thực hiện được yêu cầu đó, VKSND Tối cao cần xây dựng một hệ thống các tiêu chí để đánh giá chất lượng, hiệu quả, trong đó có công tác thực hành quyền công tố theo phương châm không chỉ ở số lượng án giải quyết nhiều hay ít mà điều quan trọng hơn là từng Kiểm sát viên, từng khâu, từng cấp kiểm sát đã làm những gì và làm như thế nào để tác động đối với các cơ quan tiến hành tố tụng tích cực phát hiện và xử lý nghiêm minh mọi

hành vi phạm tội, trong đó có tội phạm hiếp dâm trẻ em. Mặt khác, mỗi Kiểm sát viên, mỗi khâu, mỗi cấp kiểm sát phải tự mình tìm ra nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém và đề ra biện pháp khắc phục có hiệu quả.

Quản lý nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân là biện pháp hành chính hữu hiệu góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp về tội hiếp dâm trẻ em. Do đó, lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh có thể thông qua công tác quản lý để nắm chắc được hoạt động nghiệp vụ của các phòng nghiệp vụ từ đó đưa ra biện pháp chỉ đạo, điều hành có hiệu quả, sát với thực tế hoạt động của địa phương.

Từ thực tiễn cho thấy nếu hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, lãnh đạo VKSND nắm chắc được tình hình tội phạm xảy ra, và kết quả hoạt động kiểm sát của đơn vị, nhất là những chỉ tiêu quan trọng của các đơn vị, sẽ giúp cho lãnh đạo VKS kịp thời phối hợp một cách đồng bộ các bộ phận công tác, khắc phục, uốn nắn ngay những tồn tại, thiếu sót, giải quyết ngay những vướng mắc và phát huy những thành quả, kinh nghiệm trong công tác. Và ngược lại, công tác chỉ đạo, điều hành có chất lượng, hiệu quả, sẽ giúp cho việc quản lý nghiệp vụ ngày càng chặt chẽ. Đây là những yếu tố quan trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp án hiếp dâm trẻ em.

Để đáp ứng được những yêu cầu này, cán bộ quản lý phải là những Kiểm sát viên giỏi về chuyên môn nghiệp vụ; đồng thời phải là những người có khả năng chỉ đạo, điều hành đối với hoạt động của đơn vị nghiệp vụ. Bên cạnh đó, cần có một cơ chế để thực hiện chế độ kiểm tra của viện kiểm sát cấp trên đối với cấp dưới, để kịp thời phát hiện và chấn chỉnh vi phạm của CQĐT, VKS, TA và các ngành hữu quan.

Yêu cầu đặt ra đối với công tác quản lý, chỉ đạo điều hành là phải sát cơ sở, nắm chắc tình hình hoạt động của từng khâu công tác của cấp dưới để lãnh đạo, chỉ đạo hướng dẫn thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và uốn nắn những thiếu sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, một số chỉ tiêu phải nắm theo danh sách để kịp thời áp dụng các biện pháp công tác kiểm sát theo luật định như: Những trường hợp tạm giam, tạm giữ không có căn cứ, quá hạn hoặc những

trường hợp giam, giữ không có lệnh; những vụ án bị can do VKS khởi tố và yêu cầu điều tra, trả tự do vì không phạm tội, những trường hợp cơ quan điều tra đình chỉ điều tra. Công tác chỉ đạo, điều hành cũng đóng một vai trò quan trọng trong quá trình tổ chức thực hiện các chức năng của Viện kiểm sát nói chung và của công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các vụ án hiếp dâm trẻ em nói riêng. Để làm tốt các hoạt động điều tra đối với các vụ án hiếp dâm trẻ em, Lãnh đạo cần tùy theo tính chất đơn giản hay phức tạp của vụ án mà phân công các Kiểm sát viên cho phù hợp. Thường xuyên tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ, Kiểm sát viên về các văn bản pháp luật có liên quan và các biện pháp, kỹ năng để làm tốt công tác. Đặc biệt là các đạo luật mới đã có hiệu lực và chuẩn bị có hiệu lực thi hành; định kỳ sơ, tổng kết rút kinh nghiệm những việc làm hay, những kinh nghiệm tốt nhằm phổ biến, nhân rộng phát huy hiệu quả công tác, nhất là trong việc thực hiện quy chế phối hợp với các Cơ quan, đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra nhằm kịp thời phát hiện các sai sót trong quá trình giải quyết vụ án để tìm biện pháp khắc phục. Một trong những biện pháp quan trọng của công tác lãnh đạo, chỉ đạo mà phải thực hiện tốt là việc kiểm tra cấp dưới. Thông qua kiểm tra để phát hiện những thiếu sót, sai phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để uốn nắn kịp thời và khắc phục những sai phạm đó hoặc có thể rút kinh nghiệm chung trong từng khâu công tác. Việc hướng dẫn, chỉ đạo cũng như trả lời thỉnh thị phải được nâng cao về chất lượng, phải bảo đảm chính xác kịp thời, tránh việc hướng dẫn không rõ ràng gây khó khăn cho cấp dưới khi thực hiện.

3.2. Giải pháp nâng cao năng lực của cán bộ

Phân công, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng một số KSV đang công tác tại Phòng 1 VKSND tỉnh có trình độ, kinh nghiệm chuyên trách thực hiện công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hiếp dâm trẻ em. Việc phân công như vậy sẽ hình thành đội ngũ chuyên gia giỏi, đúc kết được những kinh nghiệm quý báu, góp phần cùng các ĐTV, TP nhận định, đánh giá, định hướng điều tra và chỉ dẫn tập trung thu thập, xác minh các tài liệu, chứng cứ ngay từ khi phát hiện có vụ án hiếp dâm trẻ em để

việc điều tra, truy tố, xét xử đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Số chuyên gia này sẽ có nhiều điều kiện, tư liệu tổng kết lý luận và thực tiễn để bổ sung, hoàn thiện công tác THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ án hiếp dâm trẻ em; hướng dẫn và giải quyết kịp thời, hiệu quả đối với các vụ án hiếp dâm trẻ em có nhiều tình tiết phức tạp. Để đào tạo các chuyên gia làm công tác này, trước tiên phải lựa chọn các KSV có năng lực thực sự, có phẩm chất đạo đức tốt, đã trải qua kinh nghiệm thực tiễn từ các VKS cấp tỉnh, cấp huyện, lứa tuổi từ 30 đến 50. Cử tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ điều tra và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử vụ án hiếp dâm trẻ em do các giảng viên, ĐTV, KSV có trình độ lý luận và kinh nghiệm thực tiễn giảng dạy. Phải có chế độ ưu tiên đặc biệt về tiền lương, phụ cấp nghề nghiệp đảm bảo cho các chuyên gia yên tâm công tác.

3.3. Giải pháp tổng kết thực tiễn

Viện kiểm sát nhân dân tối cao tập trung làm tốt hơn nữa công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, Kiểm sát viên; thường xuyên tổ chức Hội thảo chuyên đề trao đổi, tổng kết rút kinh nghiệm công tác THQCT, đặc biệt là kinh nghiệm kỹ năng THQCT và kiểm sát việc giải quyết các vụ án hiếp dâm trẻ em trong toàn hệ thống Viện kiểm sát nhân dân. Đối với VKSND tỉnh, hàng năm công tác THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ án hiếp dâm trẻ em nói riêng cần được nghiên cứu tổ chức sơ kết, tổng kết đúc rút kinh nghiệm, tập trung những vấn đề có khó khăn vướng mắc trong thực tiễn để đề ra giải pháp tháo gỡ đồng thời chủ động tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ nhận thức cũng như năng lực nghiệp vụ cho cán bộ, Kiểm sát viên.

3.4. Các giải pháp khác

3.4.1. Giải pháp và kiến nghị để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ

- Nâng cao nhận thức và bản lĩnh chính trị cho Kiểm sát viên, thường xuyên tu dưỡng, trau dồi đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ kiểm sát điều tra, tăng cường tập huấn về phương pháp và kinh nghiệm thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử nhằm xây dựng đội ngũ Kiểm sát viên “Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và

bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm” về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của ngành và công tác kiểm sát điều tra các vụ án hiếp dâm trẻ em.

- Nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hiếp dâm trẻ em. Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra nghĩa là thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân đi song hành và gắn liền với từng hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra.

+ Tùy theo từng vụ án mà lựa chọn phân công Kiểm sát viên kiểm sát điều tra phù hợp; lưu ý khi phân công các Kiểm sát viên chưa có kinh nghiệm (như mới bổ nhiệm hoặc luân chuyển từ khâu công tác khác sang...), Lãnh đạo viện chỉ đạo giải quyết án cần quan tâm sâu sát hơn để hạn chế vi phạm, thiếu sót, đối với các vụ án hiếp dâm trẻ em đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, dư luận quan tâm... cần phân công Kiểm sát viên có năng lực và kinh nghiệm trực tiếp thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra ngay từ khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

+ Ngay sau khi nhận được hồ sơ, tài liệu kèm theo quyết định khởi tố vụ án, bị can và Công văn đề nghị phê chuẩn của Cơ quan điều tra, trong thời hạn luật định, Kiểm sát viên được phân công nghiên cứu cần xem xét một cách khách quan, toàn diện các tình tiết của vụ án, các căn cứ để xác định hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự, nếu thấy tài liệu điều tra chưa đủ cơ sở để chứng minh hành vi phạm tội thì đề ra yêu cầu điều tra, yêu cầu Cơ quan điều tra thu thập làm rõ. Trường hợp cơ quan điều tra không làm được thì kiên quyết không phê chuẩn; Nhiều trường hợp, Kiểm sát viên phối hợp cùng Điều tra viên lấy lời khai của người bị tạm giữ để xác định rõ nội dung trước khi phê chuẩn nhằm đảm bảo cho việc phê chuẩn chặt chẽ và đúng quy định của pháp luật. Đối với vụ án hiếp dâm trẻ em thì điều quan trọng mà KSV cần chú ý nghiên cứu yêu cầu ĐTV làm rõ trước khi khởi tố đó là: Việc xác định tuổi của bị hại, có sự đồng tình hay không...

+ Kiểm sát viên phải kịp thời đề ra yêu cầu điều tra cho từng vụ án và nâng cao chất lượng của bản yêu cầu điều tra góp phần giải quyết tốt vụ án.

+ Tăng cường kiểm sát các hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra đảm bảo tính khách quan, toàn diện và triệt để; tập trung thu thập chứng cứ buộc tội nhưng không được xem nhẹ, thiếu trách nhiệm trong việc thu thập chứng cứ gỡ tội hoặc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Chủ động phối hợp với Điều tra viên thúc đẩy tiến độ điều tra các vụ án khẩn trương hơn thông qua việc yêu cầu Điều tra viên kịp thời lấy lời khai của những người làm chứng, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, chú ý không được để sót những người làm chứng quan trọng mà họ đã trực tiếp nghe được, nhìn thấy hành vi phạm tội, trường hợp cần thiết Kiểm sát viên đồng thời với việc ghi lời khai có thể tiến hành ghi âm, chụp ảnh, ghi hình. Tăng cường kiểm sát việc hỏi cung bị can, việc lấy lời khai những người làm chứng, người bị hại, người có liên quan để đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đồng thời khắc phục tình trạng việc hỏi cung hời hợt, không làm rõ hành vi phạm tội của bị can.

+ Kiểm sát viên phải thường xuyên bám sát vụ án nhằm kịp thời đề ra những yêu cầu điều tra có giá trị chứng minh tội phạm và phát hiện những sai sót trong quá trình điều tra. Những vấn đề liên quan đến thu thập, củng cố, đánh giá chứng cứ chưa có sự thống nhất được cần báo cáo lãnh đạo quyết định. Đối với những vụ án phức tạp, khó khăn cần tổ chức họp liên ngành Cơ quan điều tra – Viện kiểm sát – Tòa án để thống nhất giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án.

+ Trước khi kết thúc điều tra, Kiểm sát viên chủ động phối hợp cùng với Điều tra viên rà soát, tổng hợp và đánh giá lại toàn bộ chứng cứ và thủ tục tố tụng của từng bị can một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ mọi tình tiết của vụ án, không được bỏ qua hoặc coi nhẹ một chứng cứ nào dù đó là chứng cứ kết tội hay gỡ tội, kịp thời phát hiện những thiếu sót để bổ sung, hoàn chỉnh; Tham gia cùng với Điều tra viên hỏi cung tổng hợp về toàn bộ hành vi phạm tội của (các) bị can để thống nhất việc truy cứu trách nhiệm hình sự và điều luật áp dụng, trên cơ sở đó Điều tra viên sắp xếp theo thứ tự, vai trò của từng bị can trong Bản kết luận điều tra.

+ Sau khi Cơ quan điều tra kết thúc điều tra và chuyển hồ sơ vụ án hiếp dâm trẻ em đến Viện kiểm sát đề nghị truy tố, Kiểm sát viên cần nghiên cứu tổng hợp các chứng cứ, kiểm sát bản kết luận điều tra, phát hiện các mâu thuẫn thiếu sót giữa bản kết luận điều tra với các tài liệu đã có trong hồ sơ và căn cứ vào dấu hiệu pháp lý đặc trưng của từng loại tội cũng như các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự để giải quyết vụ án. Nếu có những thiếu sót, vướng mắc tự mình có thể giải quyết được thì Kiểm sát viên tự kiểm tra, lấy lời khai làm rõ. Còn nếu thiếu các chứng cứ quan trọng, có căn cứ khởi tố bị can về tội khác, có người đồng phạm khác hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì phải ra quyết định trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung.

3.4.2. Các giải pháp về tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ quyền của trẻ em

Thứ nhất, đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020, Chiến lược Quốc gia về bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015, và nội dung các văn bản pháp luật như: Luật hình sự, Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật bình đẳng giới, Luật hôn nhân và gia đình, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nhằm nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về bạo lực tình dục và phòng, chống bạo lực tình dục. Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật này phải có kế hoạch, chương trình ngắn hạn, dài hạn cụ thể, trong đó chú trọng đến việc lồng ghép nội dung truyền thông phòng, chống xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em gái vào trong sinh hoạt của thôn, ấp, tổ dân phố; trong sinh hoạt ngoại khóa của các cấp học và sinh hoạt chuyên đề của các tổ chức, đoàn thể các cấp.

Ngoài ra, vấn đề truyền thông đối với gia đình, xã hội trong việc bảo vệ các trẻ em gái cũng cần được xem trọng. Hệ thống truyền thông cần phổ biến sâu rộng hơn nữa về quyền của trẻ em để mọi người nhận thức được tầm quan trọng và sự cấp thiết trong vấn đề bảo vệ trẻ em trước những cái xấu, độc hại. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc thực hiện phong trào xây dựng gia đình văn hóa, nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống bảo vệ trẻ em bằng các biện pháp tuyên truyền, giáo dục ý thức cảnh giác, phát hiện sớm, tự phòng ngừa các hoạt động xâm hại tình dục và hỗ trợ tư vấn pháp lý khi cần thiết là một biện pháp cần làm. Khi bị xâm hại tình dục, nạn nhân và gia đình phải trình báo ngay cho cơ quan Công an để được hỗ trợ tư vấn, giải quyết tránh để lọt tội phạm. Quan trọng nhất, gia đình cùng nhà trường cần giáo dục, trang bị kỹ năng sống cho các em; phổ biến những kiến thức về giới tính một cách khéo léo, lành mạnh; góp phần phòng chống việc lạm dụng tình dục trong cuộc sống.

Thứ hai, nâng cao năng lực và trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân người tham gia phòng, chống bạo lực tình dục các cấp. Theo đó, cần kiện toàn lại đội ngũ các cán bộ, cộng tác viên làm công tác truyền thông về dân số, gia đình và trẻ em tại cơ sở. Quy định cụ thể và nâng cao trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể và đặc biệt cần quy định trách nhiệm của Ủy ban Dân tộc và Miền núi theo hướng: Ủy ban Dân tộc và Miền núi có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp, các ban ngành liên quan trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hình sự, hôn nhân gia đình, pháp luật về chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em, pháp luật về bình đẳng giới và pháp luật về phòng chống xâm hại tình dục cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu và vùng xa.

Bên cạnh đó, việc xây dựng các thiết chế gia đình bền vững cũng cần được xem là giải pháp nội lực để phòng, tránh bị xâm hại tình dục nói chung và bạo lực tình dục trong gia đình nói riêng. Giải pháp này đòi hỏi vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng, cùng sự phối hợp của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tùy theo đặc điểm, truyền thống văn hóa của từng địa phương để phối hợp xây dựng các quy chế, quy ước về các chuẩn mực của mô hình gia đình văn hóa, hạnh phúc nhằm hạn chế nguyên nhân có thể làm phát sinh bạo lực tình dục trong gia đình.

Thứ ba, để tránh những sự việc đau lòng do tội phạm hiếp dâm trẻ em gây nên, gia đình cần quản lý con cái chặt chẽ hơn, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm của người mẹ. Trong gia đình, người mẹ vừa là mẹ vừa là bạn với con gái, việc quan

tâm, gần gũi, quản lý chặt chẽ của mẹ sẽ giúp tạo ra hàng rào bảo vệ con gái từ các cạm bẫy của tội phạm hiếp dâm trẻ em.

3.4.3. Giải pháp tăng cường mối quan hệ phối hợp

Để nâng cao chất lượng THQCT trong các vụ án hình sự nói chung và với các vụ án hiếp dâm trẻ em nói riêng, VKSND cần phải thường xuyên phối hợp với cơ quan điều tra và Tòa án trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự. Nghiêm túc thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Thông tư 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 về mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 nhằm đảm bảo nguyên tắc phối hợp và chế ước trên cơ sở tôn trọng chức năng, nhiệm vụ của mỗi bên theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở các quy định của pháp luật, VKS các cấp tăng cường sự phối hợp với Cơ quan điều tra, Tòa án và các cơ quan hữu quan khác để thu thập đầy đủ chứng cứ, hoàn thiện hồ sơ vụ án; thường xuyên trao đổi, thống nhất nhận thức về các quy định của pháp luật cũng như những vấn đề còn có ý kiến khác nhau về đánh giá các tình tiết khách quan của vụ án, nhằm đảm bảo xét xử, giải quyết các vụ án về tội hiếp dâm trẻ em đúng pháp luật

Phối hợp tốt giữa hoạt động THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp. Để thực hiện tốt công tác THQCT đối với các vụ án hiếp dâm trẻ em thì ngoài các biện pháp về nghiệp vụ, cần thực hiện tốt việc phối hợp, hỗ trợ giữa các khâu kiểm sát điều tra, kiểm sát giam giữ, đây là khâu công tác rất quan trọng và cần thiết. Mối quan hệ giữa các khâu nghiệp vụ không chỉ trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn mà trong cả công tác chỉ đạo, điều hành. Khâu công tác kiểm sát giam, giữ phải thông báo cho khâu THQCT biết những trường hợp tạm giữ, tạm giam sắp hết thời hạn theo lệnh và thông báo những thông tin nắm được về diễn biến tâm lý của những đối tượng đang bị giam, giữ về tội hiếp dâm trẻ em cho khâu công tác THQCT để kịp thời có biện pháp xử lý phù hợp. Ngoài ra, VKSND phải quán triệt và thực hiện tốt việc phối hợp giữa các khâu nghiệp vụ được quy định tại các Quy chế công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam.

3.4.4. Giải pháp và kiến nghị về chế độ đãi ngộ và cơ sở vật chất

Trong điều kiện kinh tế của nhà nước còn nhiều khó khăn, để đảm bảo hiệu quả trong thực hiện chức năng nhiệm vụ của ngành theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, VKSNDTC cần chủ động, có kế hoạch đề nghị Nhà nước từng bước tăng cường cơ sở vật chất cho ngành KSND. Chú trọng đến việc trang bị phương tiện, điều kiện cần và đủ cho các khâu, các bộ phận trọng yếu ở các cấp kiểm sát như: Các bộ phận nắm và xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, bộ phận THQCT và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử, thống kê tội phạm cần tăng cường cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện. Trước mắt, cần trang bị đủ phương tiện đi lại, máy móc và phương tiện giám định, chế độ công tác phí, kinh phí hỗ trợ cho hoạt động THQCT đối với các vụ án hình sự nói chung, các vụ án hiệp dân trẻ em nói riêng.

Thực hiện chủ trương cải cách tư pháp, trong những năm qua Đảng và nhà nước ta đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc và thực hiện nhiều chính sách đối với cán bộ các cơ quan tư pháp, trong đó có ngành KSND. Trên thực tế, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, chế độ chính sách đối với cán bộ các cơ quan tư pháp nói chung, đối với cán bộ, KSV nói riêng đã ngày càng được hoàn thiện. Tuy nhiên, so với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và so với mức sống của một số ngành khác thì điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc của ngành KSND vẫn còn nhiều hạn chế, đời sống của cán bộ, KSV còn nhiều khó khăn. Để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, trong những năm tới đề nghị Đảng và Nhà nước cần quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, hoàn thiện chế độ chính sách đối với ngành KSND theo hướng:

- Đầu tư trang thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin. Cung cấp đầy đủ tài liệu, có liên quan đến công tác THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp, chương trình cải cách tư pháp, yêu cầu lãnh đạo cũng như cán bộ, KSV trong ngành KSND phải kịp thời nắm bắt được các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước để phục vụ có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Có chế độ lương, phụ cấp và các khoản đãi ngộ thoả đáng đối với cán bộ các cơ quan tư pháp nói chung, ngành Kiểm sát nói riêng để ổn định cuộc sống, yên tâm công tác, không bị dao động trước mọi cám dỗ vật chất do bị mua chuộc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Kết luận chương 3

Từ những phân tích, đánh giá thực tiễn hoạt động THQCT trong vụ án hiếp dâm trẻ em của VKSND tỉnh Bình Phước, đánh giá về nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong lĩnh vực hoạt động này, luận văn đưa ra các quan điểm và giải pháp bảo đảm hoạt động THQCT trong vụ án hiếp dâm trẻ em đáp ứng yêu cầu công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay. Các nhóm giải pháp mà tác giả đã đưa ra là: Nhóm giải pháp về hoàn thiện tổ chức đổi mới công tác tổ chức, cán bộ; đảm bảo đủ số lượng và chất lượng cán bộ, Kiểm sát viên để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn hiện nay; đổi mới, nâng cao công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực của cán bộ THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND, xuất phát từ việc nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn của KSV; đổi mới nội dung và phương pháp THQCT. Nhóm giải pháp tổng kết thực tiễn xuất phát từ việc đúc kết kinh nghiệm, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, KSV làm công tác THQCT. Ngoài ra tác giả còn đưa ra một số giải pháp, kiến nghị đó là giải pháp về hoàn thiện pháp luật và hướng dẫn áp dụng pháp luật còn có nhiều vướng mắc trong việc áp dụng của BLHS và BLTTHS, qua đó tác giả luận văn đã đề xuất các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành pháp luật cần bổ sung, sửa đổi các qui định trong BLHS và BLTTHS cho phù hợp với thực tiễn áp dụng trong đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung, tội phạm hiếp dâm trẻ em nói riêng. Giải pháp và kiến nghị để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ. Các giải pháp kiến nghị về tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ quyền của trẻ em. Giải pháp tăng cường quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động THQCT đối với án hiếp dâm trẻ em; Cuối cùng là giải pháp kiến nghị về chế độ đãi ngộ và tăng cường cơ sở vật chất cho ngành Kiểm sát để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân tin tưởng giao cho.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua, tình hình tội phạm nói chung, tội phạm hiếp dâm trẻ em nói riêng trên địa bàn tỉnh Bình Phước có nhiều diễn biến phức tạp. Các cơ quan tiến hành tố tụng đã có nhiều cố gắng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm này, đặc biệt là trong công tác thực hành quyền công tố của VKSND. Tuy nhiên, vấn đề lý luận và thực tiễn của thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp hình sự đối với các vụ án hiếp dâm trẻ em còn có nhiều quan điểm khác nhau, dẫn đến việc thực hiện hoạt động này của VKSND còn nhiều hạn chế. Trong khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ, tác giả đã đi sâu vào phân tích khái niệm, đặc điểm, thực tiễn, quan điểm, giải pháp bảo đảm thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp hình sự các vụ án hiếp dâm trẻ em của VKSND tỉnh Bình Phước nhằm nâng cao hiệu quả của công tác này trong thời gian tới. Bằng việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu để tiếp thu có chọn lọc những kiến thức về tổ chức thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành để đánh giá thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong các vụ án hiếp dâm trẻ em ở tỉnh Bình Phước trong những năm gần đây, luận văn đã tiếp cận và giải quyết một cách có hệ thống và toàn diện các vấn đề.

Đã phân tích làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp các vụ án hiếp dâm trẻ em của VKSND qua đó xác định chủ thể, phạm vi, đối tượng, nội dung của hoạt động này. Trong phần phân tích về nội dung của hoạt động thực hành quyền công tố trong các vụ án hiếp dâm trẻ em luận văn cũng đã chỉ rõ được những nội dung cơ bản của hoạt động này, đó là: THQCT trong việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố; THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án; THQCT trong giai đoạn truy tố và THQCT trong giai đoạn xét xử các vụ án hiếp dâm trẻ em.

Sau khi làm sáng tỏ vấn đề lý luận, luận văn đã phân tích đánh giá diễn biến, tình hình tội phạm hiếp dâm trẻ em, thực tiễn của hoạt động thực hành quyền công tố trong các vụ án hiếp dâm trẻ em, tìm ra những nguyên nhân của

kết quả đạt được cũng như nguyên nhân của những tồn tại hạn chế qua đó đề xuất các biện pháp bảo đảm hoạt động thực hành quyền công tố trong các vụ án hiếp dâm trẻ em của VKSND.

Phân quan điểm và giải pháp bảo đảm thực hành quyền công tố trong tội hiếp dâm trẻ em của VKSND, luận văn đã đưa ra các giải pháp bảo đảm có tính thực tiễn và hiệu quả cao đối với hoạt động này.

Có thể nói rằng, tuy chưa phải là đầy đủ và sâu sắc nhưng luận văn đã nghiên cứu, phân tích lý luận và thực tiễn, đưa ra các quan điểm giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong hoạt động thực hành quyền công tố đối với tội hiếp dâm trẻ em của VKSND, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này. Về mặt thực tiễn, những nội dung nghiên cứu của đề tài có thể làm tài liệu tham khảo cho hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo Kiểm sát viên, phục vụ công tác nghiên cứu hoàn thiện pháp luật; nhất là pháp luật hình sự và TTHS; góp phần nâng cao hiệu quả, vai trò VKSND trong hoạt động thực hành quyền công tố đối với các vụ án hình sự nói chung, các vụ án hiếp dâm trẻ em nói riêng.

Những kết quả đã đạt được trong luận văn là sự nỗ lực, cố gắng của bản thân tác giả; sự giúp đỡ nghiêm túc và tinh thần đầy trách nhiệm của các thầy cô, các nhà khoa học, bạn bè và các đồng nghiệp trong ngành Kiểm sát và đặc biệt là sự giúp đỡ tận tình của thầy hướng dẫn khoa học luận văn này. Tuy nhiên, do điều kiện nghiên cứu của một luận văn thạc sĩ và khả năng của bản thân tác giả nên luận văn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nhất định. Tác giả luận văn rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các thầy cô và đồng nghiệp để tác giả tiếp tục nghiên cứu đề tài này trong quá trình nghiên cứu khoa học và thực tiễn công tác./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp (2003), *Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về "một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới"*, Hà Nội.
2. Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp (2006), *Kế hoạch số 05-KH/CCTP về thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị "về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020"* (giai đoạn 2006-2010), Hà Nội.
3. Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp (2007), *Kế hoạch số 06-KH/CCTP về sơ kết Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị "về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020"*, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị "về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới"*, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị "về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020"*, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị "về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020"*, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
8. Bộ Chính trị (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Bộ Chính trị (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Bộ Chính trị (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11. Bộ Chính trị (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Bộ Chính trị (1995), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khoá VII*, Hà Nội.
13. Bộ Chính trị (2001), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*, Hà Nội.
14. Lê Cẩm (2007), *Các mô hình lý luận về tổ chức hệ thống viện công tố trong chiến lược cải cách tư pháp*, Tạp chí kiểm sát, (số 14), tr 28 - 36.
15. Lê Cẩm (2000), *Đạo luật hình sự: Một số vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Tòa án, (số 11), tr 47.
16. Minh Đạo (2012), *Kiểm sát hoạt động tư pháp - Chức năng quan trọng của Viện kiểm sát nhân dân*, Tạp chí Kiểm sát, (số 10), tr 18.
17. Trần Văn Độ (1999), *Một số vấn đề về Quyền công tố*. Kỷ yếu đề tài cấp Bộ: Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay, Hà Nội.
18. Đỗ Văn Dương (2006), *Cơ quan thực hành quyền công tố trong cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, (số 79), tr 10 - 13.
19. Phạm Hồng Hải (2007), *Đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan thực hiện chức năng thực hành quyền công tố đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí kiểm sát (số 14), tr. 51.
20. Lê Thị Tuyết Hoa (2002), *Quyền công tố ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
21. Học viện Cảnh sát nhân dân (2005), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Hà Nội.

22. Phạm Tuấn Khải (1999), *Vài ý kiến về Quyền công tố và thực hành quyền công tố*. Kỷ yếu đề tài cấp Bộ: Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay, Hà Nội.
23. Hoàng Tám Phi (2016), *Một số vấn đề về mối quan hệ giữa chức năng buộc tội và chức năng thực hành quyền công tố*, Tạp chí kiểm sát, (số 17), tr 43.
24. Nguyễn Thái Phúc (1999), *Một số vấn đề về Quyền công tố của Viện kiểm sát*. Kỷ yếu đề tài cấp Bộ: Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay, Hà Nội.
25. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự, Phần các tội phạm, Tập I*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
26. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*.
27. Quốc hội, *Hiến pháp (1946, 1959, 1980, 1992, 2013)*, Hà Nội.
28. Quốc hội (2002), *Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật*, Hà Nội.
29. Quốc hội, *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (1959, 1981, 2002, 2014)*, Hà Nội.
30. Hoàng Thị Minh Sơn (2015), *Khái niệm, vị trí, vai trò, ý nghĩa của các chức năng tố tụng hình sự*, hội thảo khoa học: Các chức năng của tố tụng hình sự trong bối cảnh cải cách tư pháp hiện nay, Học viện KHXH.
31. Lê Hữu Thể (2000), *Bàn về khái niệm quyền công tố*, Tạp chí kiểm sát, (số 8), tr 26-27.
32. Lê Hữu Thể (chủ biên) (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
33. Lê Minh Thông (chủ biên) (2001), *Một số vấn đề về hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

34. Nguyễn Thị Thủy (2012), *Mô hình tổ tụng hình sự và vấn đề xác định quyền, nghĩa vụ của các chủ thể trong tổ tụng hình sự*, Tạp chí kiểm sát, (số 9), tr 48 – 49.
35. Lê Tài Triển (1970), *Nhiệm vụ của Công tố viên*, Nxb Sài Gòn.
36. Trường Đại học Luật Hà Nội (2004), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Bộ Tư pháp, Hà Nội.
37. Trường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát (2008). *Tập bài giảng Lớp bồi dưỡng kiến thức về khoa học điều tra tội phạm*, Hà Nội.
38. Hoàng Anh Tuyên (2012), *Hoàn thiện các quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Kiểm sát, (số 10), tr 30 – 33; 64.
39. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1962), *Pháp lệnh về bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân tối cao*, Hà Nội.
40. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2002), *Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.
41. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh số: 23/2004/PL-UBTVQH11 ngày 20/8/2004 về tổ chức điều tra hình sự*, Hà Nội.
42. Nguyễn Tất Viễn (2003), *Hoạt động tư pháp và kiểm sát các hoạt động tư pháp*. Kỷ yếu đề tài cấp Bộ: Những giải pháp nâng cao thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, Hà Nội.
43. Viện Khoa học kiểm sát - Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2005), *Chuyên đề về Cơ quan công tố một số nước*, Thông tin khoa học kiểm sát, (số 5+6).
44. Viện Khoa học kiểm sát- Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2006), *Chuyên đề một số văn bản về cải cách tư pháp*, Thông tin khoa học kiểm sát, (số 3).

45. Viện Khoa học kiểm sát- Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2005), *Viện kiểm sát nhân dân trong tiến trình cải cách tư pháp*, Đề tài khoa học cấp bộ, Hà Nội.
46. Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa.
47. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (2011 – 2015), *Báo cáo công tác Kiểm sát năm 2011 - 2015*, Bình Phước.
48. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2005), *Các quy định về hoạt động nghiệp vụ và quản lý của Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.
49. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2000), *Chỉ dẫn về công tác công tố*, Dự án VIE/95/018, Tăng cường năng lực kiểm sát tại Việt Nam, Hà Nội.
50. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2006), *Kế hoạch số 23/KH-VKSTC về thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 trong ngành Kiểm sát nhân dân giai đoạn 2006-2010*, Hà Nội.
51. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2002), *Những quy định về Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.
52. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008), *Quy chế Công tác Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự* (Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2008), Hà Nội.
53. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2011), *Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*, Tài liệu tập huấn, Hà Nội.
54. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2001), *Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam 1960 - 2000*, Kỷ yếu, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

55. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng (2005), *Thông tư liên tịch số: 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP* ngày 07/9/2005 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Hà Nội.

56. Viện Ngôn ngữ học (1998), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

57. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2012), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

58. Võ Khánh Vinh (2003), *Về quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 8), tr 3.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1. Tình hình đội ngũ Kiểm sát viên Viện KSND tỉnh Bình Phước và đội ngũ Kiểm sát viên Phòng 1, Viện KSND tỉnh Bình Phước

STT	Đơn vị	Biên chế được giao	Biên chế hiện có	KSVCC	Kiểm sát viên trung cấp	Kiểm sát viên sơ cấp	Kiểm tra viên chính	Kiểm tra viên	Chuyên viên chính và TĐ	Chuyên viên và TĐ	Cán sự và TĐ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A.VKSND cấp tỉnh		61	60		30	12	1	7		4	6	
B.VKSND cấp huyện		144	140		11	65		17		37	10	
Tổng (A+B)		205	200		41	77	1	24		41	16	
PHÒNG 1		11	10		6	4						TThiếu 01

(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.2. Tình hình VKS yêu cầu CQĐT khởi tố về tội Hiếp dâm trẻ em, từ năm: 2011 đến năm 2015

NĂM	Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố	Viện kiểm sát trực tiếp khởi tố
2011	01	00
2012	01	00
2013	01	00
2014	01	00
2015	01	00
Tổng số	05	00

(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.3. Số vụ án hiếp dâm trẻ em thụ lý giải quyết tại Cơ quan điều tra

Năm	Thụ lý		Đề nghị truy tố		Đình chỉ		Tạm đình chỉ	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can
2011	27	31	17	18	00	00	00	00
2012	11	17	10	10	01	01	00	00
2013	15	16	21	27	01	04	00	00
2014	19	19	19	19	00	00	01	01
2015	08	08	13	13	00	00	01	01

(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.4. Số vụ án hiếp dâm trẻ em thụ lý giải quyết tại Viện kiểm sát

Năm	Thụ lý		Truy tố		Đình chỉ		Tạm đình chỉ		Trả HSĐTBS	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can
2011	18	19	16	17	00	00	00	00	02	02
2012	09	09	11	11	00	00	00	00	02	02
2013	20	26	17	23	00	00	00	00	02	06
2014	18	18	18	18	00	00	00	00	00	00
2015	13	13	13	13	00	00	00	00	00	00

(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.5. Số vụ án hiếp dâm trẻ em thụ lý giải quyết của Tòa án

Năm	Thụ lý		Xét xử		Đình chỉ		Tạm đình chỉ		Trả HSBS		PT Hủy án	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can
2011	12	27	18	21	00	00	00	00	00	00	00	00
2012	10	10	14	15	00	00	00	00	01	01	00	00
2013	16	22	14	14	00	00	00	00	01	07	00	00
2014	18	18	14	14	00	00	00	00	00	00	00	00
2015	13	14	13	14	00	00	00	00	00	00	00	00

(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.6. Số vụ CQĐT, VKS, TAND thụ lý từ năm: 2011-2015

2.6.1. CQĐT

Năm	Thụ lý		Đề nghị truy tố		Đình chỉ		Tạm đình chỉ	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can
2011	27	31	17	18	00	00	00	00
2012	11	17	10	10	01	01	00	00
2013	15	16	21	27	01	04	00	00
2014	19	19	19	19	00	00	01	01
2015	08	08	13	13	00	00	01	01

2.6.2. VKSND

Năm	Thụ lý		Truy tố		Đình chỉ		Tạm đình chỉ		Trả HSĐTBS	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can
2011	18	19	16	17	00	00	00	00	02	02
2012	09	09	11	11	00	00	00	00	02	02
2013	20	26	17	23	00	00	00	00	02	06
2014	18	18	18	18	00	00	00	00	00	00
2015	13	13	13	13	00	00	00	00	00	00

2.6.3. TAND

Năm	Thụ lý		Xét xử		Đình chỉ		Tạm đình chỉ		Trả HSBS		PT Hủy án	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can
2011	22	27	18	21	00	00	00	00	00	00	00	00
2012	10	10	14	15	00	00	00	00	01	01	00	00
2013	16	22	14	14	00	00	00	00	01	07	00	00
2014	18	18	14	14	00	00	00	00	00	00	00	00
2015	13	14	13	14	00	00	00	00	00	00	00	00

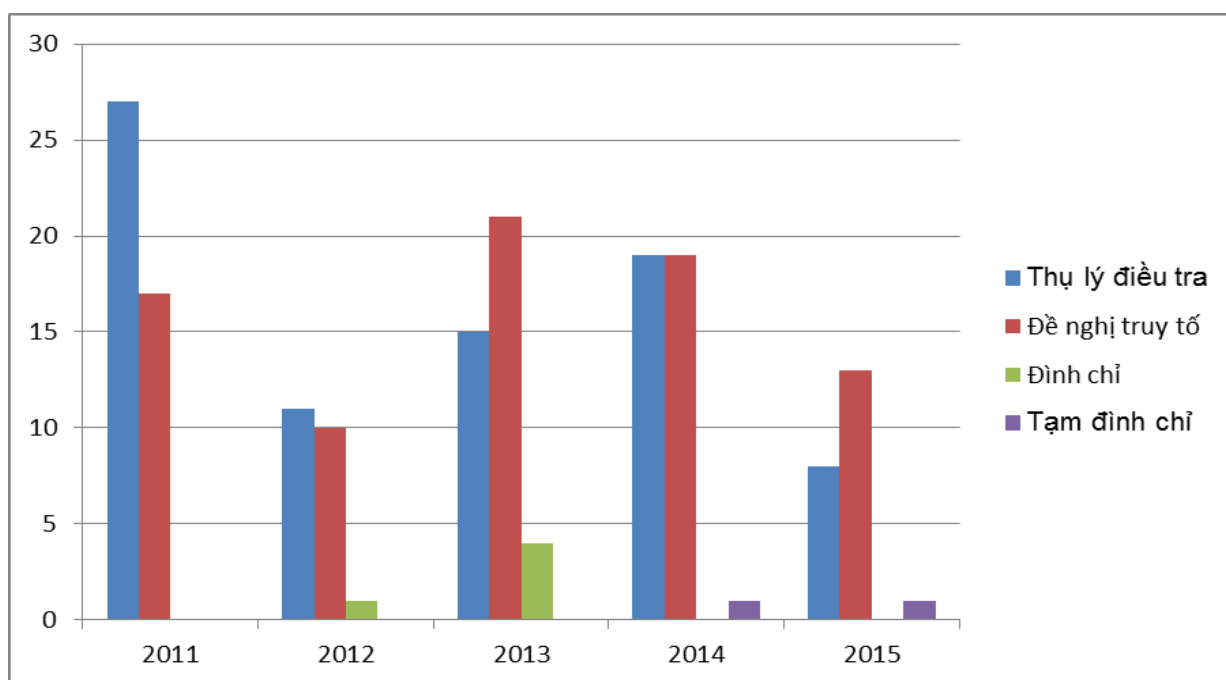
(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.7. So sánh giữa số án thụ lý của phòng 1 so với số án Đ 112

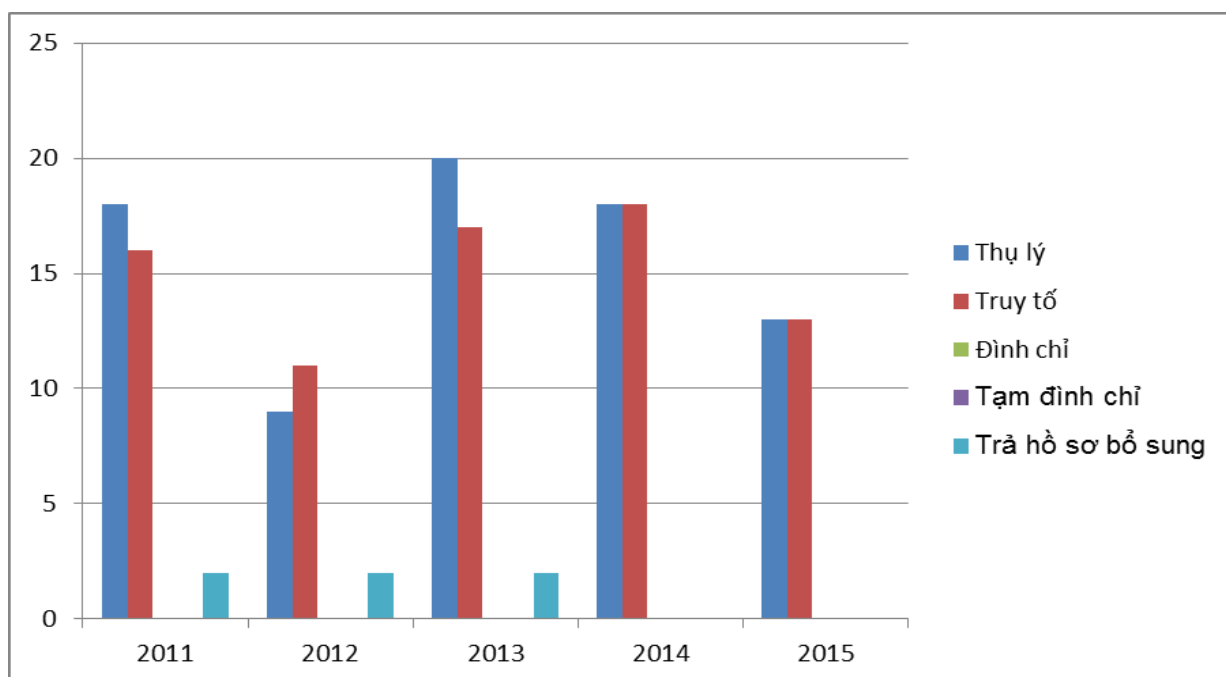
Năm	CQĐT				VKSND				TAND			
			Đ112				Đ112				Đ112	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can
2011	89	179	27	31	54	91	18	19	72	125	22	27
2012	58	101	11	17	68	131	09	09	58	82	10	10
2013	60	101	15	16	68	113	20	26	50	76	16	22
2014	47	82	19	19	50	85	18	18	55	94	18	18
2015	41	60	08	08	41	79	13	13	39	66	13	14

(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước)

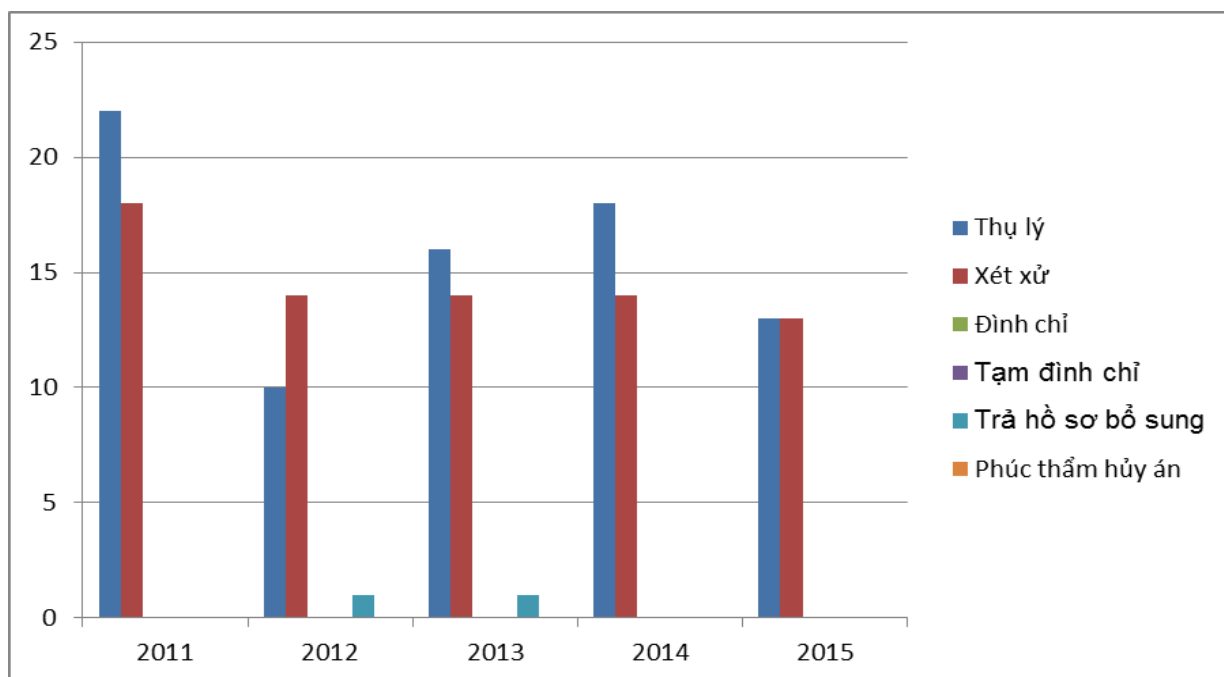
Biểu đồ 2.1. Số vụ án hiếp dâm trẻ em thụ lý giải quyết tại Cơ quan điều tra



Biểu đồ 2.2. Số vụ án hiếp dâm trẻ em thụ lý giải quyết tại Viện kiểm sát



Biểu đồ 2.3. Số vụ án hiếp dâm trẻ em thụ lý giải quyết của Tòa án



(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước)